

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 6220/UBCK-GSDC ngày 20/09/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 08 năm 2022)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0898920468

Website: <https://gcfood.com.vn>

Vốn điều lệ đăng ký: 260.000.000.000 đồng

Vốn thực góp: 260.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999 Fax: (84-24) 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Trường San

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Điện thoại: 0898920468

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	5
2. Quá trình hình thành và phát triển	8
3. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập	9
4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng.....	15
5. Cơ cấu tổ chức của Công ty	15
6. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	16
7. Cơ cấu cổ đông	18
8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng.....	19
9. Hoạt động kinh doanh.....	20
10. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và trong kỳ gần nhất	33
11. Vị thế của công ty trong ngành	35
12. Chính sách với người lao động	36
13. Chính sách cổ tức	37
14. Tình hình tài chính trong năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022.....	38
15. Tài sản	49
16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)	51
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	53
18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	54
19. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	55
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	56
1. Hội đồng quản trị	56
2. Ban kiểm soát.....	60
3. Tổng giám đốc	62
4. Kế toán trưởng	62
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	63
6. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	67
7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2021 và 9 tháng 2022.....	68


DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập	10
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/09/2022	18
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	19
Bảng 4: Công ty con; công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát cổ phần, phần vốn góp chi phối ...	20
Bảng 5: Thông tin về các sản phẩm chính của Công ty	21
Bảng 6: Các sản phẩm cụ thể cho từng mảng sản phẩm	22
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022	23
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022.....	23
Bảng 9: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022	25
Bảng 10: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022.....	25
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022	26
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022.....	27
Bảng 13: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 2021 và 9 tháng đầu năm 2022	33
Bảng 14: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2020 đến 9 tháng đầu năm 2022	33
Bảng 15: Tổng hợp số lượng và phân loại lao động của Công ty tại ngày 30/11/2022	36
Bảng 16: Mức lương bình quân của Công ty giai đoạn 2020-2021	37
Bảng 17: Chi trả cổ tức.....	37
Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định.....	39
Bảng 19: Trích lập các quỹ theo luật định.....	39
Bảng 20: Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty (hợp nhất).....	40
Bảng 21: Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty mẹ	40
Bảng 22: Các khoản phải thu của Công ty	42
Bảng 23: Chi phí trả trước	46
Bảng 24: Các khoản phải trả của Công ty	46
Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	48
Bảng 26: Giá trị TSCĐ của Công ty theo BCTC kiểm toán (hợp nhất).....	49
Bảng 27: Giá trị TSCĐ của Công ty theo BCTC kiểm toán (riêng lẻ).....	49
Bảng 28: Danh mục các tài sản lớn tại 31/12/2021 và 30/9/2022	50
Bảng 29: Danh mục đất đai đang quản lý tại 15/11/2022.....	51
Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)	51
Bảng 31: Cam kết thuê đất.....	53
Bảng 32: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	63
Bảng 33: Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.....	68

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Công ty/GCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
ĐHĐCĐ	Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT	Hội Đồng Quản Trị
BKS	Ban Kiểm Soát
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng
GCN DKDN	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CBNV	Cán bộ nhân viên
ĐTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROAA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROAE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CP	cổ phần
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
n/a	Không có thông tin hoặc không áp dụng

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Thông tin chung về Công ty**

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
Tên giao dịch quốc tế	G.C FOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	GC Food
Logo công ty	
Vốn điều lệ đăng ký	260.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	260.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	0898920468
Website	https://gcfood.vn/
Giấy chứng nhận ĐKDN	3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 08 năm 2022
Người đại diện theo pháp luật:	Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất, chế biến, bán buôn thực phẩm, chi tiết như bảng dưới đây

Mã ngành

	Bán buôn thực phẩm
4632 (Chính)	Chi tiết: Bán buôn thực phẩm trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải, các sản phẩm thuộc danh mục cấm nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón (không chứa hàng tại trụ sở).
0121	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).

0149	Chăn nuôi khác (không chăn nuôi tại trụ sở).
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở).
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
0119	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở).
0146	Chăn nuôi gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)
1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không chế biến tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)
0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở)
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải, các sản phẩm thuộc danh mục cấm nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
4633	Bán buôn đồ uống (riêng kinh doanh rượu chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải, gỗ, tre, nứa, động vật hoang dã thuộc danh mục cấm, các sản phẩm thuộc danh mục cấm nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (riêng kinh doanh

	rượu, thuốc lá chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)
5629	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn công nghiệp (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke và các dịch vụ kèm theo) (riêng kinh doanh rượu chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn (riêng kinh doanh rượu chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch) - Bán lẻ đồ uống không cồn
0131	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (không hoạt động tại trụ sở)
0132	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)
2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
4631	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì. Chi tiết: Bán buôn hạt ngũ cốc khác, bột mì. (không bao gồm bán buôn gạo, lúa)
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)
0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)
0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)

Nguồn: GCF

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: GCF
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 26.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): Không có
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dầu tư, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngày 25/10/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 7031/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/09/2022 - ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch Upcom) là 0%.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2011	- Thành lập Công ty TNHH Thực phẩm G.C (tiền thân là CTCP Thực phẩm G.C với vốn điều lệ 2 tỷ đồng hoạt động kinh doanh nông sản, cùng với việc thành lập nhà máy ở Khu công nghiệp Giang Điền (tiền thân là cơ sở kinh doanh nông sản tại Biên Hòa – Đồng Nai, được thành lập từ năm 2007).
Năm 2012	- Trở thành công ty chế biến và cung cấp nguyên liệu nha đam lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của Công ty thời điểm này là nha đam với sản lượng trên 2.000 tấn thành phẩm/năm.
Năm 2014	- 05/2014: Chính thức thành lập công ty con là Công ty CP Thực phẩm Cánh Đồng Việt (Vietfarm) với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, quản lý và vận hành nhà máy chuyên sản xuất nha đam tại Tỉnh Ninh Thuận với công suất dự kiến là 3.600 tấn thành phẩm/năm. Công ty mẹ G.C chủ yếu quản lý và thực hiện phân phối sản phẩm đến các đối tác.
Năm 2015	- Công ty nghiên cứu thành công sản phẩm thạch dừa sạch để cung cấp cho thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài.

Năm 2016	- 11/2016: Thành lập công ty con thứ 2 là Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Công ty Thực phẩm Cô Cô Việt Nam xây dựng nhà máy hơn 1ha tại KCN Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, chuyên chế biến các sản phẩm từ trái dừa, chủ yếu là thạch dừa các vị khác nhau với công suất dự kiến 10.000 tấn/năm.
Năm 2018	- 04/2018: Hoàn thành mở rộng nhà máy Cánh Đồng Việt giai đoạn 1, tạo công ăn việc làm cho hơn 100 lao động và nâng công suất nhà máy gấp 2 lần từ sản lượng thành phẩm là 3.600 tấn/năm tăng lên 8.000 tấn/năm. - 07/2018: Thành lập Công ty Cổ phần Năng và Gió với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Năng và Gió có quỹ đất trồng cây lâu năm ban đầu là 20ha. Công ty Cổ phần Năng và Gió hoạt động trong mảng nông nghiệp theo hướng hữu cơ sạch, hiện đang trồng các loại cây chủ đạo như nha đam, dưa lưới, nho, táo, ổi và nuôi bò, cừu với quy mô gần 1.000 con.
Năm 2020	- 10/2020: Hoàn thành mở rộng nhà máy Cánh Đồng Việt giai đoạn 2 và đưa vào sử dụng toàn bộ xường sản xuất nha đam với sản lượng 17.000 tấn/năm.
Năm 2021	- 06/2021: Công ty Cổ phần Năng và Gió tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng dưới hình thức phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ tăng thêm được dùng để mua thêm đất trồng cây lâu năm làm tăng quỹ đất của Công ty Cổ phần Năng và Gió được lên 100ha, giúp Công ty hướng tới chủ động về nguyên liệu đầu vào trong các năm tới. Đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Năng và Gió đã chủ động được 30% nguyên liệu đầu vào.
Năm 2022	- 20/09/2022: Công ty đã được UBCKNN công nhận là công ty đại chúng theo theo Công văn số 6220/UBCK-GSĐC ngày 20/09/2022 của UBCKNN - 30/09/2022: Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 36/2022/GCNCP-VSD ngày 30/9/2022

Nguồn: GCF

3. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

GC Food được thành lập năm 2011 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn với số vốn ban đầu là 2.000.000.000 đồng. Năm 2017, Công ty chính thức chuyển đổi từ loại hình doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần với 03 cổ đông, vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi 50.000.000.000 đồng.

Sau 10 năm hoạt động và 07 lần tăng vốn với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 260.000.000.000 đồng, tương ứng 26.000.000 cổ phần.

Bảng 1: Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Lần	Năm	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
	2011		2.000	Các thành viên sáng lập góp vốn thành lập Công ty TNHH Thực phẩm G.C	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
1	2013	8.000	10.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
2	2014	10.000	20.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
3	2015	10.000	30.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
4	2016	20.000	50.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
	2017	Công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần			
5	2018	50.000	100.000	Phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
6	2020	60.000	160.000	Phát hành 1.740.000 cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành 4.260.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai
7	2021	100.000	260.000	Phát hành 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 62,5%	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai

Nguồn: GCF

Kể từ lúc thành lập, Công ty đã thực hiện 07 lần tăng vốn, chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

3.1. Đợt phát hành tăng vốn từ 2 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ do các thành viên sáng lập góp thêm vốn theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp trong vốn điều lệ công ty

- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 120/G.C/QĐ ngày 02/01/2013 của Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 08/01/2013
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
- Số lượng thành viên góp vốn sau tăng vốn: 02 thành viên

3.2. Đợt phát hành tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ do các thành viên sáng lập góp thêm vốn không theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp trong vốn điều lệ công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 126/G.C/QĐ ngày 08/05/2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp số 08/G.C/QĐ ngày 08/05/2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 19/05/2014
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
- Số lượng thành viên góp vốn sau tăng vốn: 02 thành viên

3.3. Đợt phát hành tăng vốn từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ do các thành viên sáng lập góp thêm vốn không theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp trong vốn điều lệ công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 25/G.C/QĐ-2015 ngày 01/04/2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp số 05/G.C/QĐ-15 ngày 01/04/2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/04/2015
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
- Số lượng thành viên góp vốn sau tăng vốn: 02 thành viên

3.4. Đợt phát hành tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ do các thành viên sáng lập góp thêm vốn không theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp trong vốn điều lệ công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 03/G.C/QĐ-2015 ngày 26/01/2016 của Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp số 04/BBH-15 ngày 26/01/2016 của Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 03/02/2016.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
- Số lượng thành viên góp vốn sau tăng vốn: 02 thành viên

3.5. Đợt phát hành tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 02/2017/QĐ ngày 30/12/2017 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp ngày 30/12/2017 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Quyết định số 01/2018/QĐ ngày 12/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp số 01/2018/BB ngày 12/03/2018 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 26/03/2018.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 5.000.000 cổ phiếu
- Tổng mệnh giá phát hành : 50.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán : 03 cổ đông
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Mục đích sử dụng vốn : Góp vốn vào Công ty TNHH thực phẩm Cô Cô Việt Nam; góp vốn vào Công ty cổ phần Thực phẩm Cảnh đồng Việt và bổ sung vốn lưu động.
- Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động theo đúng mục đích được ĐHCĐ phê duyệt. Cụ thể, 14 tỷ đồng được dùng để góp vốn vào Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam, 28,2 tỷ đồng được dùng để góp vốn vào Công ty Cp Thực phẩm Cảnh đồng Việt và 7,8 tỷ đồng được dùng để bổ sung vốn lưu động.

3.6. Đợt phát hành tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (cổ tức) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (các cổ đông nhường quyền mua cho nhau).
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 01/2020/QĐ ngày 25/03/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp ngày 25/03/2020 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Quyết định số 01 ngày 27/08/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh;
 - Biên bản họp ngày 27/08/2020 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/08/2020.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 160.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 6.000.000 cổ phiếu
- Tổng mệnh giá phát hành : 60.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

- Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 03 cổ đông
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Mục đích sử dụng vốn : Mua trụ sở /đất và bổ sung vốn lưu động
- Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động theo đúng mục đích được ĐHĐCĐ phê duyệt. Cụ thể, 40 tỷ đồng được dùng để mua đất làm văn phòng Công ty tại số thửa đất số 515 tờ bản đồ số 4 phường Thạch Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, 20 tỷ đồng được dùng để bổ sung vốn lưu động.

3.7. Đợt phát hành tăng vốn từ 160 tỷ đồng lên 260 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (các cổ đông nhường quyền mua cho nhau).
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định số 02/2020/QĐ ngày 29/12/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp ngày 29/12/2020 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Quyết định số 01/2021/QĐ-GC ngày 28/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Biên bản họp số 01/2021/BBH-GC ngày 28/06/2021 của Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm G.C;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 07/07/2021.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 160.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 260.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 10.000.00 cổ phiếu
- Tổng mệnh giá phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 03 cổ đông
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có

- Mục đích sử dụng vốn : Góp vốn vào Công ty cổ phần Năng và Gió và bổ sung vốn lưu động.
- Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động theo đúng mục đích được ĐHĐCĐ phê duyệt. Cụ thể, hơn 79,56 tỷ đồng được dùng để góp vốn vào CTCP Năng và Gió, gần 20,44 tỷ đồng được dùng để bổ sung vốn lưu động.

4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

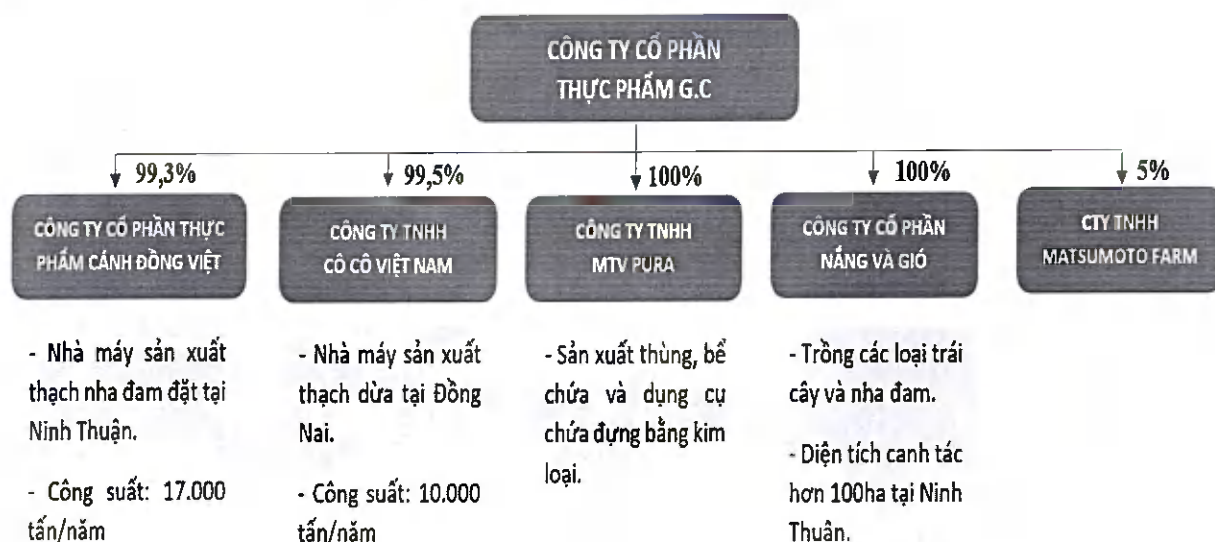
- Ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng: 27/01/2022. Ngày 27/01/2022, vốn điều lệ của Công ty là 260 tỷ đồng. Tổng số cổ đông là 117 cổ đông, trong đó có 40,8% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do 115 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Do đó, Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 tại thời điểm ngày 27/01/2022.
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng như sau:
 - o Tổng số lượng cổ đông: 117 cổ đông, bao gồm 116 cổ đông cá nhân và 01 cổ đông tổ chức.
 - o Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 115 cổ đông.
 - o Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 10.599.900 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 40,8%).
- Ngày 20/9/2022, Công ty đã được UBCKNN công nhận là công ty đại chúng theo Công văn số 6220/UBCK-GSĐC ngày 20/09/2022 của UBCKNN.

5. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C và các công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 6 năm 2022. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của GCF



Nguồn: GCF

Thông tin các Công ty con của Công ty:

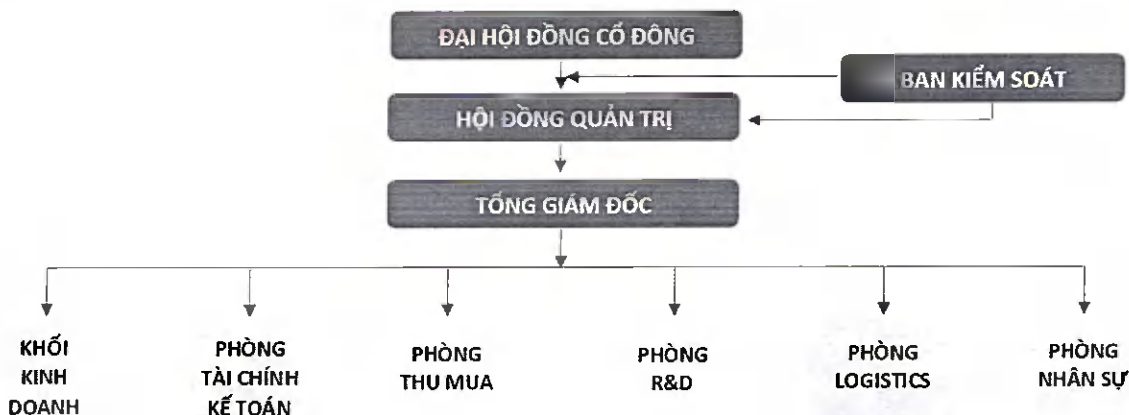
TT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh đồng Việt	Thành Hải, Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận
2	Công ty TNHH Cô Cô Việt Nam	Lô V - 2E, Khu Công nghiệp Hố Nai, đường số 11, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Công ty Cổ phần Năng và Gió	MVP9+GGH, Thôn, Phú Thạnh, Ninh Sơn, Ninh Thuận
4	Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	Số nhà 304, đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Hình 2: Cơ cấu quản trị của GCF

Nguồn: GCF



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ công ty quy định thông qua các BCTC hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền & nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty bao gồm: 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu.

Đanh sách Thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ & tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT
3	Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Điệp Pháp	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Hoàn Sứ	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có vai trò thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban có 03 thành viên với nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 3 năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các kiểm soát viên, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Danh sách thành viên BKS gồm:

STT	Họ & tên	Chức vụ
1	Lê Thanh Duy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Trường San	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên Ban Kiểm soát

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính - kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay là bà Bùi Thị Mai Hiên.

Các Khối/Phòng nghiệp vụ

Các phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm: (1) Khối Kinh doanh, (2) Phòng Tài chính Kế toán; (3) Phòng Thu mua; (4) Phòng R&D; (5) Phòng Logistics và (6) Phòng Nhân sự. Khối nghiệp vụ thực hiện các hoạt động theo nghiệp vụ của các phòng ban đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt.

7. Cơ cấu cổ đông**Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/09/2022**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	124	26.000.000	100%
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	1	5.000.100	19,2%
1.3	Cá nhân	123	20.999.900	80,8%
2	Nước ngoài	0	0	0

2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	124	26.000.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	124	26.000.000	100%
1	Cổ đông lớn	2	15.400.100	59,2%
2	Cổ đông khác	122	10.599.900	40,8%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	124	26.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ngày 16/09/2022

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của GCF tại 16/09/2022

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số Giấy tờ	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông tổ chức				
1	Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	5/F, HM Tower, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Hồ Chí Minh, Việt Nam	Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCK cấp và GCN ĐKKD số 0304524894 do Sở KHĐT TP.HCM cấp	5.000.100	19,2%
II	Cổ đông cá nhân				
2	Ông Nguyễn Văn Thứ	Tổ 6, Ấp 4, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	036078020828	10.400.000	40,0%
	Tổng cộng			15.400.100	59,2%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ngày 16/09/2022

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602503768 đăng ký lần đầu ngày 31/05/2011 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 31/05/2014.

8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng

8.1 Công ty mẹ

Không có.

8.2 Công ty con; công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát cổ phần, phần vốn góp chi phối

Bảng 4: Công ty con; công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát cổ phần, phần vốn góp chi phối

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	ĐKKD	Địa điểm hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp của Công ty G.C	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh đồng Việt	20/05/2014	4500577748	Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ nha đam phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	70 tỷ đồng	69,5 tỷ đồng	99,3%	99,5%
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	27/12/2004	3600714322	Việt Nam	Sản xuất thạch dừa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	40 tỷ đồng	39,8 tỷ đồng	99,5%	99,3%
3	Công ty Cổ phần Năng và Gió	17/07/2018	4500624846	Việt Nam	Trồng nha đam và các loại trái cây khác	100 tỷ đồng	88 tỷ đồng	88%	88%
4	Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	31/07/2019	0315459693	Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	4,9 tỷ đồng	4,9 tỷ đồng	100%	100%

Nguồn: GCF

8.3 Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối với Công ty

Không có.

9. Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm và đối tượng khách hàng

GC Food hoạt động trong ngành chế biến và sản xuất thực phẩm, trong đó chủ lực là các sản phẩm liên quan đến nha đam và thạch dừa, chiếm gần 90% trong cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2020 và 2021. Các sản phẩm nha đam và thạch dừa của Công ty hiện chủ yếu được các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm và đồ uống (ngành F&B) sử dụng làm đầu vào cho các sản phẩm như nước nha đam, sữa chua nha đam, sữa chua thạch dừa... GCF hiện là nhà cung cấp cho nhiều công ty lớn trong ngành F&B trong nước và quốc tế như Vinamilk, Sojitz, Lotte Chilsung... Doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 35% tổng doanh thu Công ty. Ngoài việc được sử dụng làm nguyên

liệu đầu vào, thạch dừa và nha đam của GCF cũng được đóng gói và phân phối trực tiếp tới người tiêu dùng trong nước, tuy nhiên tỷ trọng đóng góp vào doanh thu từ nhóm khách hàng này chưa nhiều.

Bên cạnh nha đam và thạch dừa, Công ty cũng cung cấp một sản phẩm khác như trái cây (bán lẻ cho thị trường trong nước), mật ong và một số loại bột xay (cung cấp cho các doanh nghiệp F&B làm nguyên liệu đầu vào). Tỷ trọng nhóm sản phẩm này trong tổng doanh thu của GCF là không đáng kể. Công ty nhận định nhóm sản phẩm nha đam và thạch dừa vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển và sẽ tiếp tục tập trung các sản phẩm này trong những năm tới.

Các sản phẩm của GCF

Bảng 5: Thông tin về các sản phẩm chính của Công ty

STT	Sản phẩm	Công ty con sản xuất/kinh doanh	Sản lượng hàng năm (tấn)					% (+/-) so với cùng kỳ 2021	Đối tượng khách hàng chủ yếu
			Năm 2020	9 tháng năm 2021	Năm 2021	% (+/-) so với 2020	9 tháng năm 2022		
1	Nha đam	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh đồng Việt	5.524	6.857	8.782	59%	7.714	12,49%	- Kênh xuất khẩu - Khách hàng tổ chức (B2B) - Khách hàng cá nhân (B2C)
2	Thạch dừa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	2.820	4.935	6.320	124%	5.172	4,81%	- Kênh xuất khẩu - Khách hàng tổ chức (B2B) - Khách hàng cá nhân (B2C)
3	Bột xay	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	598	711	911	52%	404	-43,2%	- Khách hàng tổ chức (B2B)
4	Nông sản và Gia súc gia cầm	Công ty Cổ phần Năng và Gió	247	450	576	133%	479	6,56%	- Kênh đại lý/đối tác nhượng quyền - Khách hàng cá nhân (B2C)

Nguồn: GCF

Chi tiết các sản phẩm chính của GCF được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 6: Các sản phẩm cụ thể cho từng mảng sản phẩm

STT	Sản phẩm	Khách hàng B2B	Khách hàng B2C
1	Nha đam	<ol style="list-style-type: none"> Nha đam nước đường Nước ép nha đam Mứt nha đam các loại Nha đam không đường 	<ol style="list-style-type: none"> Sinh tố nha đam 18 Nha đam hương dứa Nha đam hương vải Nha đam hương yến Nha đam sệt vị dâu Nha đam sệt vị chanh dây Nha đam sệt vị yến
2	Thạch dừa	<ol style="list-style-type: none"> Thạch dừa nước đường Thạch dừa ép Thạch dừa sợi Thạch dừa không đường 	<ol style="list-style-type: none"> Thạch dừa non Pura Thạch dừa hương dứa Thạch dừa hương dừa Thạch dừa hương nho Thạch dừa hương chanh dây Thạch dừa hương dâu
3	Nông sản và Gia súc gia cầm		<ol style="list-style-type: none"> Dưa lưới Ổi mật Nho xanh Dưa huỳnh long Táo mật Thanh Long Chanh dây
4	Các sản phẩm khác	<ol style="list-style-type: none"> Mật ong tự nhiên Yến Bột gạo nguyên chất Bột đậu xanh Bột gạo lứt 	<ol style="list-style-type: none"> Mật ong tự nhiên Táo sấy, ổi sấy, bí sấy, cóc sấy Macca

Nguồn: GCF

Cơ cấu Doanh thu thuần

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021			9 tháng đầu năm 2022		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với 2020	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với cùng kỳ 2021
Doanh thu thuần về bán hàng, trong đó	209.279	99,6%	333.601	99,80%	59,41%	313.934	99,95%	20,52%
<i>Nha đam</i>	137.108	65,5%	184.100	55,2%	34,27%	178.589	56,9%	24,24%
<i>Thạch dừa</i>	53.142	25,4%	96.374	28,9%	81,35%	109.870	35,0%	46,00%
<i>Bột xay</i>	8.071	3,9%	12.409	3,7%	53,74%	6.241	2,0%	-35,59%
<i>Nông sản và Gia súc gia cầm</i>	10.958	5,2%	40.718	12,2%	271,59%	19.234	6,1%	-39,50%
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	831	0,4%	672	0,2%	-19,15%	160	0,05%	-69,47%
	210.110	100%	334.273	100%	59,09%	314.094	100%	20,34%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021			9 tháng đầu năm 2022		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với 2020	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với cùng kỳ 2021
Doanh thu thuần về bán hàng	74.297	98,5%	155.757	99,5%	109,64%	147.178	99,5%	20,76%
<i>Nha đam</i>	38.356	51,6%	55.261	35,5%	44,1%	67.186	45,6%	46,0%
<i>Thạch dừa</i>	29.152	39,2%	85.108	54,6%	191,9%	77.760	52,8%	26,7%
<i>Bột xay</i>	-	0,0%	11	0,0%	0,0%		0,0%	0,0%

<i>Nông sản và Gia súc gia cầm</i>	6.789	9,1%	15.377	9,9%	126,5%	2.232	1,5%	-84,6%
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.123	1,5%	840	0,5%	-25,17%	790	0,5%	25,40%
	75.419	100%	156.597	100%	107,64%	147.968	100%	20,79%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022 của GCF

Gần 100% doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ doanh thu bán các sản phẩm liên quan đến nha đam, thạch dừa và sản phẩm nông sản. Trong đó, năm 2021 sản phẩm nha đam là sản phẩm có sản lượng và doanh thu cao nhất, chiếm 55,2% doanh thu thuần về bán hàng, sản phẩm thạch dừa chiếm 28,9%, tiếp theo đó là sản phẩm nông sản và gia súc gia cầm chiếm 12,2%, còn lại là bột xay với 3,7%. Khoảng dưới 1% còn lại của doanh thu hợp nhất đến từ dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy năng lượng mặt trời tại các nông trại của Công ty, giá trị vài trăm triệu một năm. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 là 334 tỷ đồng tăng 59% so với năm 2020 do tăng trưởng mạnh về doanh thu bán hàng của hai nhóm sản phẩm chủ lực là nha đam và thạch dừa mặc dù giá bán hai nhóm sản phẩm này năm 2021 giảm nhẹ so với năm 2020.

Sản phẩm nha đam là sản phẩm sở hữu doanh thu cao nhất, có mức tăng 59% về sản lượng từ 5.524 tấn năm 2020 tăng lên 8.782 tấn năm 2021, tương ứng mức tăng 34,27% về doanh thu. Nguyên nhân là do CTCP Thực phẩm Cánh đồng Việt đã hoàn thành mở rộng nhà máy Cánh đồng Việt giai đoạn 2, đưa vào sử dụng toàn bộ xưởng sản xuất nha đam, làm tăng sản lượng sản xuất hàng năm đồng thời Công ty có khách hàng mới từ thị trường Hàn Quốc, Kazakhstan và Trung Đông.

Sản phẩm có mức doanh thu cao thứ 2 là thạch dừa. Sản phẩm thạch dừa tăng đột biến 124% về sản lượng từ 2.820 tấn năm 2020 lên 6.320 tấn năm 2021, tương ứng với mức tăng 81,35% về doanh thu do Công ty mở rộng thêm thị trường mới là Indonesia và Malaysia.

Doanh thu đứng thứ 3 trong cơ cấu doanh thu thuần là doanh thu của Nông sản và Gia súc gia cầm. Năm 2021, do nông sản tới vụ thu hoạch từ tự trồng và liên kết với người nông dân nên sản lượng và doanh thu nông sản và gia súc gia cầm có sự tăng đột biến lần lượt là 133% và 271,59% năm 2021 so với năm 2020. Sản phẩm bột xay chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu thuần và cũng đóng góp vào tăng trưởng doanh thu với mức tăng 52% về sản lượng và 53,74% về doanh thu.

9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần toàn Công ty đạt lần lượt 314 tỷ đồng, tăng 20,34% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ đạt 261 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do tăng sản lượng và giá bán của sản phẩm chủ lực là nha đam và thạch dừa trong khi các sản phẩm chiếm tỷ trọng nhỏ khác có doanh thu giảm. Cụ thể, 9 tháng đầu năm 2022, doanh thu sản phẩm nha đam và thạch

đưa đạt lần lượt gần 179 tỷ đồng và 110 tỷ đồng tương ứng mức tăng là 24,24% và 46% so với 9 tháng đầu năm 2021.

Cơ cấu Chi phí

Bảng 9: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021			9 tháng đầu năm 2022		
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	% (+/-) so với 2020	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với cùng kỳ 2021
Giá vốn hàng bán	158.757	75,6%	239.157	71,5%	50,64%	222.666	70,9%	20,69%
Chi phí tài chính	8.807	4,2%	9.044	2,7%	2,69%	9.782	3,1%	32,51%
Chi phí bán hàng	12.523	6,0%	23.872	7,1%	90,62%	22.775	7,3%	21,28%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.784	9,9%	29.385	8,8%	41,38%	30.083	9,6%	48,31%
	200.871	95,6%	301.457	90,2%	50,07%	285.306	90,8%	23,54%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Bảng 10: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021			9 tháng đầu năm 2022		
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	% (+/-) so với 2020	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với cùng kỳ 2021
Giá vốn hàng bán	56.797	75,3%	123.055	78,6%	116,66%	112.979	76,4%	16,49%
Chi phí tài chính	4.308	5,7%	5.429	3,5%	26,03%	3.760	2,5%	19,87%
Chi phí bán hàng	5.843	7,7%	10.389	6,6%	77,79%	11.139	7,5%	49,22%
Chi phí quản lý	10.484	13,9%	14.708	9,4%	40,29%	10.288	7,0%	18,15%

doanh nghiệp								
Tổng cộng	77.433	102,7%	153.581	98,1%	98,34%	138.166	93,4%	18,81%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022 của GCF

Tổng chi phí của Công ty trong các năm chiếm tỷ trọng trên 90% của doanh thu thuần. Cùng với tốc độ tăng của doanh thu, chi phí năm 2021 tăng đáng kể so với năm 2020 khi chi phí hợp nhất tăng 50,07%, chi phí Công ty mẹ tăng 98,34%. Tuy nhiên, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần hợp nhất và riêng lẻ có xu hướng giảm, lần lượt là từ 95,6% năm 2020 xuống còn 90,2% và từ 102,7% năm 2020 xuống còn 98,1% tại thời điểm cuối năm 2021 do hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng lên cùng với việc tăng sản lượng sản xuất. 9 tháng đầu năm 2022, tổng chi phí hợp nhất và Công ty mẹ tăng lần lượt là 23,54% và 18,81% tương ứng với tốc độ tăng về doanh thu.

Trong tổng chi phí hợp nhất, giá vốn hàng bán là chi phí lớn nhất với tỷ trọng 70%-75% doanh thu thuần, giá vốn hàng bán năm 2021 so với năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2022 so với 9 tháng đầu năm 2021 tăng lần lượt 50,64% và 20,69% chủ yếu do tăng cùng với mức tăng của doanh thu. Chi phí lớn thứ 2 là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng cận dưới 10% của doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nguyên nhân do năm 2021 và năm 2022, Công ty đầu tư nhân sự quản lý cấp trung phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 6%-7% doanh thu thuần có mức tăng đáng kể năm 2021 so với năm 2020 (90,62%) do doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ. Chi phí này tăng 21,28% trong 9 tháng 2022 so với cùng kỳ 2021 là do đơn giá vận chuyển năm 2022 tăng cao so với 2021. Chi phí thấp nhất là chi phí tài chính, chiếm tỷ trọng 3%-4% trong doanh thu thuần, chi phí này cũng tăng hàng năm là do Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính từ ngân hàng để đầu tư mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu.

Cơ cấu Lợi nhuận gộp

Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021			9 tháng đầu năm 2022		
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	% (+/-) so với 2020	Giá trị	Tỷ trọng	% (+/-) so với cùng kỳ 2021
Lợi nhuận gộp của hàng hóa đã bán	50.847	24,2%	94.848	28,4%	86,53%	91.459	29,1%	20,37%

Lợi nhuận gộp của dịch vụ đã cung cấp	505	0,2%	269	0,1%	-46,76%	(30)	0,0%	-105,79%
	51.352	24,4%	95.117	28,5%	85,22%	91.428	29,1%	19,50%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	2020		2021		% (+/-) so với 2020	9 tháng đầu năm 2022		% (+/-) so với cùng kỳ 2021
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng	
Lợi nhuận gộp của hàng hóa đã bán	17.825	23,6%	33.105	21,1%	85,72%	34.368	23,2%	37,27%
Lợi nhuận gộp của dịch vụ đã cung cấp	797	1,1%	437	0,3%	-45,14%	622	0,4%	28,41%
	18.622	24,7%	33.542	21,4%	80,12%	34.989	23,6%	37,10%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022 của GCF

Cũng như doanh thu thuần, trên 99% lợi nhuận gộp của Công ty đến từ bán các sản phẩm nha đam và thạch dừa của Công ty. Do giá vốn hàng hóa biến động tăng nên lợi nhuận gộp hợp nhất và riêng của Công ty tăng lần lượt 85% và 80% so với năm 2021, cao hơn mức tăng của doanh thu thuần toàn công ty hợp nhất và thấp hơn so với mức tăng của doanh thu thuần đối với công ty mẹ. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần biến động trong khoảng 21% đến gần 30%.

Năng lực sản xuất

Thông qua các công ty con, Công ty hiện sở hữu nhà máy Vietfarm tại Ninh Thuận (Công ty Cổ phần Cánh Đồng Việt) chuyên sản xuất các sản phẩm từ nha đam và nhà máy VinaCoco tại Đồng Nai (Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam) chuyên sản xuất các sản phẩm thạch dừa.

Nhà máy Vietfarm được xây dựng năm 2015 tại Ninh Thuận, thủ phủ vùng nguyên liệu nha đam của cá nước. Với diện tích hơn 2 ha, tọa lạc tại Khu công nghiệp Thành Hải, tỉnh Ninh Thuận, nhà máy chế biến nha đam của GCFood là một trong những nhà máy chế biến nha đam lớn nhất Việt Nam. Năng suất sản lượng sản xuất thành phẩm bình quân mỗi ngày tính đến tháng 06/2021 đạt

14 tấn/giờ tương đương 112 tấn/ngày. Lượng lá nguyên vật liệu đầu vào nhập trung bình mỗi ngày từ 700 tấn đến 1.000 tấn lá. Công suất của nhà máy đạt 17.000 tấn thành phẩm mỗi năm.

Nhà máy thạch dừa VinaCoco được xây dựng trên diện tích 11.000 m² tại Lô V2E, Đường số 11, Khu công nghiệp Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, là một trong những trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước. Nhà máy sản xuất thạch dừa ở quy mô công nghiệp, nhằm tạo ra sản phẩm sạch và an toàn. Tất cả quy trình sản xuất thạch dừa đều được diễn ra khép kín tại nhà máy để kiểm soát chất lượng của sản phẩm. Công suất của nhà máy khoảng 10.000 tấn thành phẩm mỗi năm.

Ngoài 02 nhà máy kể trên, công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Năng và Gió đang khai thác trang trại hơn 100ha đất tại Ninh Thuận để trồng trái cây và cây nha đam làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy Vietfarm. Diện tích canh tác trên từng loại cây trồng như sau: nha đam - 20ha, dưa lưới - 10ha, nho - 10ha, táo - 4ha, ổi - 2ha...

Hình 3: Nhà máy Vietfarm (nha đam)



Hình 4: Nhà máy VinaCoco (thạch dừa)



Nguồn: GCF

Hình 5: Trang trại Năng & Gió



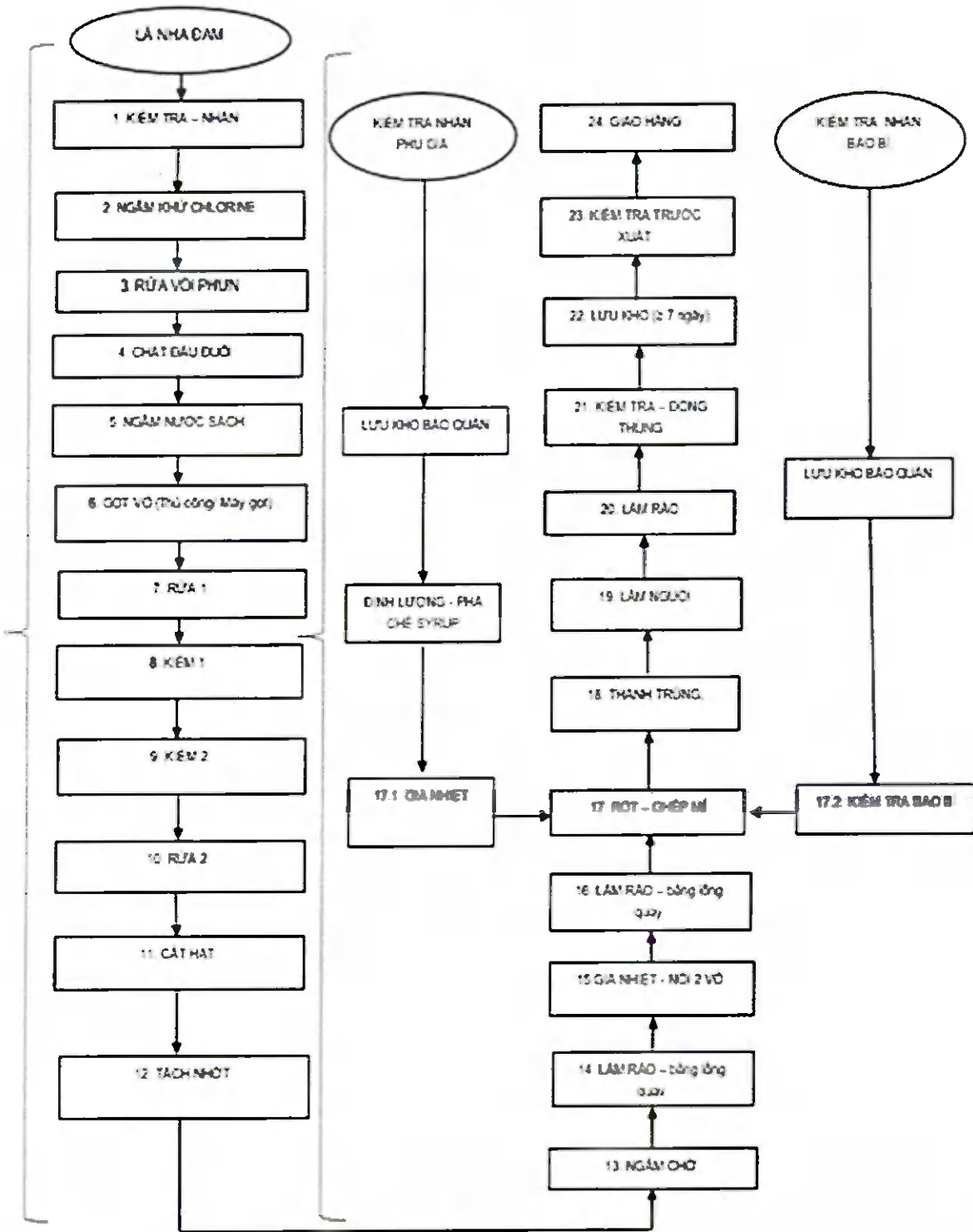
Nguồn: GCF

Quy trình sản xuất

Thạch nha đam được sản xuất từ 100% nha đam tươi, sạch, tự nhiên do GC Food tự quản lý quy trình và thu hoạch đạt chứng nhận Organic USDA của Mỹ. Công nghệ thanh trùng Pasteur đảm

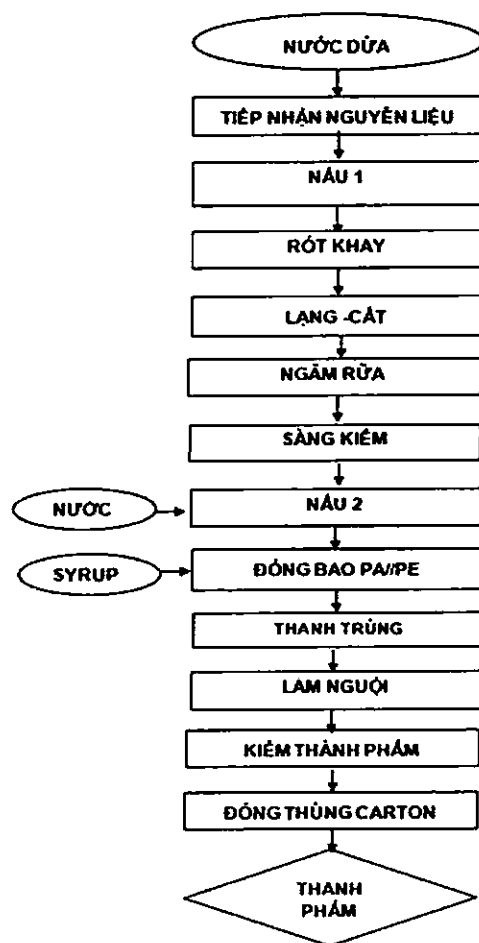
bảo sản phẩm cuối cùng an toàn và sạch tuyệt đối Thạch dừa non được sản xuất từ 100% dừa tươi ở vùng nguyên liệu liên kết. Cả 2 loại sản phẩm nha đam và thạch dừa đều được sản xuất theo quy trình Nhật Bản và đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP và ISO 22000:2005. Nguồn nguyên liệu được kiểm soát theo quy trình sản phẩm nông nghiệp sạch Global GAP. Các sản phẩm nha đam và thạch dừa của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang các nước Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, Irac, Israel, Trung Đông, Trung Quốc...

Hình 6: Quy trình sản xuất nha đam



Nguồn: GCF

Hình 7: Quy trình sản xuất thạch dừa



Nguồn: GCF

Về các loại trái cây, GC Food hiện là một trong số ít các doanh nghiệp ở Việt Nam có khả năng cung cấp loại dưa lưới, nho xanh và ôi với chất lượng rất cao ngang với mức giá bán trái cây nhập khẩu và cung không đủ cầu. Loại dưa lưới của GC Food hiện nay chỉ đủ cung cấp vào các resort 5 sao lớn và không đủ để cung ứng ra thị trường. Tại GC Food, dưa lưới trồng trong nhà lưới, được tưới và bón phân bằng hệ thống tưới nhỏ giọt nên cây phát triển rất đồng đều.

Hình 8: Một số chứng nhận của GCF



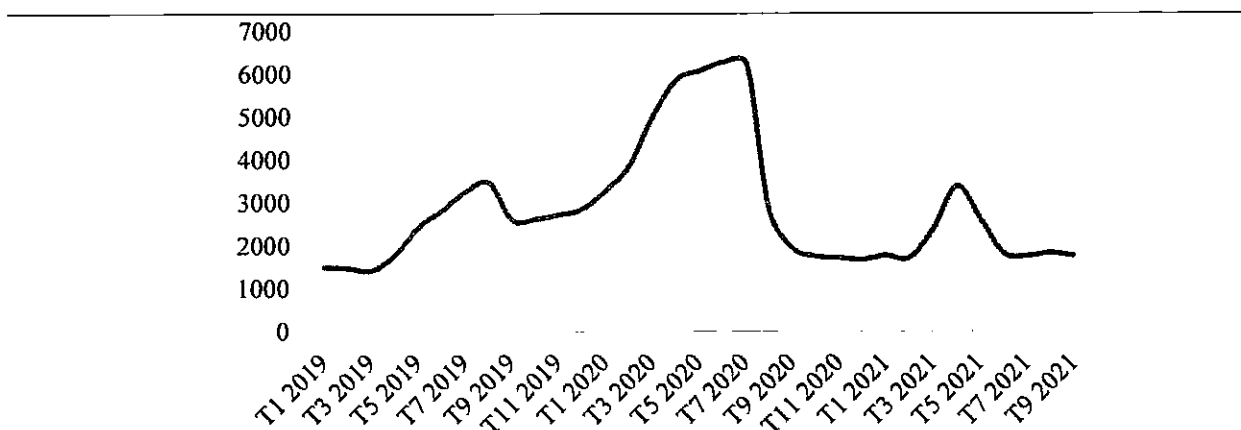
Nguồn: GCF

Nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chiếm phần lớn chi phí sản xuất nên biến động giá đầu vào có thể ảnh hưởng đáng kể tới biên lợi nhuận của Công ty. Nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu gồm lá nha đam tươi, nước dừa, đường, túi PE và bao bì thùng các tông.

Với nha đam, hiện tại Công ty hợp tác thu mua từ các nông dân địa phương và kết hợp thuê đất tự trồng. Việc trồng và chăm sóc cây tuân thủ theo tiêu chuẩn và quy trình Công ty đặt ra nhằm đảm bảo chất lượng lá nha đam khi thu hoạch.

Hình 9: Biến động giá nha đam đầu vào



Nguồn: GCF

Giá thu mua lá nha đam thường duy trì trung bình dưới 2.000 đồng/kg. Tuy nhiên trong năm 2020, giá thu mua tăng mạnh, có thời điểm hơn 6.000 đồng/kg, khiến biên lợi nhuận các sản phẩm nha đam của GCF chỉ còn 23% so với mức 25,9% của năm 2019. Để giảm thiểu tình trạng phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu thu mua ngoài, Công ty đã mua hơn 100ha đất tại Ninh Thuận trong năm 2021 trong đó 35ha đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới tên Công ty, hơn 65ha còn lại đang thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Công ty hướng tới tự chủ dần về nguồn nguyên liệu lá nha đam. Diện tích đất dành cho trồng nha đam luôn được Công ty duy trì ít nhất là 50ha, dự kiến bắt đầu cho thu hoạch từ năm 2022 và cung cấp đủ 50% lượng lá nha đam đầu vào cho Công ty vào năm 2023.

Nước dừa nguyên liệu được Công ty thu mua của các cơ sở chế biến dừa tại Bến Tre và các khu vực lân cận. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ giá đầu vào, Công ty đã chủ động thu mua nước dừa và tăng cường sản xuất khi giá nước dừa ở mức hợp lý. Hiện tại, Công ty đang lập kế hoạch mua thêm xưởng sản xuất tại vùng nguyên liệu là Bến Tre để thuận lợi hơn trong việc thu mua nguyên liệu và chủ động sản xuất.

Các nguyên vật liệu khác được Công ty đặt mua từ các nhà cung cấp trong nước. Công ty luôn thực hiện các cuộc khảo sát, tìm hiểu thông tin thị trường, lựa chọn những đối tác có uy tín, ký kết

hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm đầu ra duy trì ở mức ổn định. Việc liên tục nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm kết hợp với mở rộng thị trường ra các nước phát triển giúp cho Công ty hạn chế được rủi ro hàng tồn kho chậm tiêu thụ, giảm ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận.

10. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và trong kỳ gần nhất

Bảng 13: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 2021 và 9 tháng đầu năm 2022

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2020	2021	% (+/-) so với 2020	9 tháng đầu năm 2022	% (+/-) so với 9 TĐN 2021
Tổng giá trị tài sản	336.237	488.710	45,3%	620.707	27,0%
Vốn chủ sở hữu	180.772	325.885	80,3%	349.133	7,1%
Doanh thu thuần	210.110	334.273	59,1%	314.094	20,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.607	35.135	202,7%	29.999	-4,9%
Lợi nhuận khác	3.815	6.233	63,4%	782	-69,2%
Lợi nhuận trước thuế	15.423	41.368	168,2%	30.783	-9,7%
Lợi nhuận sau thuế	13.528	35.258	160,6%	23.893	-16,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VSCH	7,48%	10,82%	44,7%	6,84%	-21,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức *	Bằng tiền 2%	Bằng cổ phiếu 18%			

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của GCF và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022

* Kế hoạch 2022 theo phê duyệt của ĐHCĐ 2022 CTCP Thực Phẩm G.C ngày 19/3/2022

Bảng 14: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2020 đến 9 tháng đầu năm 2022

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2020	2021	% (+/-) so với 2020	9 tháng đầu năm 2022	% (+/-) so với 9 TĐN 2021
Tổng giá trị tài sản	252.771	374.439	48,1%	422.337	12,8%
Vốn chủ sở hữu	169.404	281.720	66,3%	312.331	10,9%

Chỉ tiêu	2020	2021	% (+/-) so với 2020	9 tháng đầu năm 2022	% (+/-) so với 9 TĐN 2021
Doanh thu thuần	75.419	156.597	107,6%	147.968	20,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.399	12.285	127,5%	32.701	370,7%
Lợi nhuận khác	3.283	2.205	-32,8%	592	-73,0%
Lợi nhuận trước thuế	8.682	14.490	66,9%	33.294	264,2%
Lợi nhuận sau thuế	8.194	12.964	58,2%	31.000	323,9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VSCH	4,84%	4,6%	-5,0%	9,93%	282,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của GCF và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022

Kết quả kinh doanh năm 2021 của GCF có sự tăng trưởng vượt bậc khi doanh thu thuần tăng hơn 59% so với năm 2020, LNST tăng 160% so với năm 2020. Doanh thu GCF tiếp tục tăng trưởng nhờ hai nhóm sản phẩm chủ lực là nha đam và thạch dừa. Doanh thu thị trường nội địa tăng hơn 60% trong khi thị trường xuất khẩu đạt tốc độ gần tương đương với mức hơn 58%. LNST tăng mạnh hơn doanh thu do biên lợi nhuận được cải thiện gần 4 điểm phần trăm, từ mức 24,5% trong 2020 lên 28,4% trong 2021. Nguyên nhân chính của diễn biến tích cực này là nhờ giá nha đam thô đầu vào không biến động mạnh như trong năm 2020. Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu năm 2021 của Công ty cũng tăng lần lượt hơn 45,3% và 80,3% so với năm 2020.

Mặc dù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ. Đối với sản phẩm thạch dừa, Công ty có nguồn nguyên liệu dồi dào, thu hoạch và sẵn sàng nguyên liệu quanh năm. Đối với sản phẩm nha đam, một năm có 2 mùa thu hoạch. Để đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện dự trữ hàng hóa, đa dạng vùng nguyên liệu để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thông suốt, không gặp gián đoạn.

Hết 9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần của Công ty và công ty con đạt 314 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy vậy, do giá vốn hàng bán có tăng nhẹ và các chi phí tăng hơn nhiều so với năm 2021 (đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 tăng 50% so với năm 2021) nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 2022 giảm 16% so với cùng kỳ năm 2021.

Đối với công ty mẹ, lợi nhuận tăng đột biến là do việc điều chuyển lợi nhuận từ công ty con về công ty mẹ để thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu 18% theo ĐHĐCD năm 2022 phê duyệt.

Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty đại chúng

Nhân tố thuận lợi

Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Vùng nguyên liệu của Công ty đặt tại Ninh Thuận có khí hậu rất phù hợp để trồng cây nha đam. Khí hậu tại Ninh Thuận khô nóng tại đây cũng giúp hạn chế sâu bệnh, phù hợp với việc canh tác các loại trái cây yêu cầu độ brix (độ đường) cao.

Chính phủ luôn quan tâm, chú trọng phát triển nông nghiệp, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế, hỗ trợ nghiên cứu giống cây trồng mới. Ngoài ra, các hiệp định thương mại song phương và đa phương giữa Việt Nam và các nước đã gỡ bỏ dần hàng rào thuế quan xuất, nhập khẩu, đặc biệt là các sản phẩm từ nông nghiệp, qua đó giúp Công ty có giá thành cạnh tranh khi tham gia thị trường xuất khẩu.

Nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp có chi phí thấp, giá thành nguyên vật liệu rẻ so với giá bình quân trên thế giới.

Công ty đã đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất và bảo quản đạt tiêu chuẩn ngay từ những ngày đầu thành lập. Hệ thống và quy trình kiểm tra chất lượng luôn được Công ty xây dựng và cải thiện liên tục nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra. Về năng suất, GCF là nhà sản xuất các sản phẩm từ nha đam lớn nhất Việt Nam. Nhờ duy trì ổn định chất lượng sản phẩm và quy mô sản xuất lớn, Công ty liên tục được các đối tác tin tưởng, duy trì và tăng sản lượng đơn hàng qua các năm.

Nhân tố khó khăn

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong 02 năm 2020 - 2021 dẫn đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội đình trệ ở cả Việt Nam và các thị trường xuất khẩu của Công ty. Dịch bệnh và giãn cách xã hội cũng làm gián đoạn hoạt động sản xuất, vận tải hàng hóa, tăng chi phí phòng chống dịch và ảnh hưởng tới hoạt động và kết quả chung của Công ty.

11. Vị thế của công ty trong ngành**- Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

GC Food hiện là nhà sản xuất các sản phẩm về nha đam lớn nhất cả nước với nhà máy Vietfarm có công suất đạt 17.000 tấn/năm. Công ty là nhà cung cấp chính các sản phẩm về nha đam và thạch dừa cho các doanh nghiệp F&B trong nước như Vinamilk, Nutifood. Một số đối thủ trong nước bao gồm Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nha đam Việt Nam, Trí Đức Food, Công ty TNHH Sản xuất và XNK Thành Công Vina, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Công nghệ Sinh học ứng dụng Việt Mỹ Úc.

Trên thị trường quốc tế, các công ty nha đam và thạch dừa của Việt Nam chủ yếu cạnh tranh với các đối thủ từ Thái Lan. Theo ước tính của GCF, các công ty của Việt Nam chỉ chiếm chưa đến

10% thị phần 2 thị trường truyền thống là Hàn Quốc và Nhật Bản. Sản phẩm nha đam và thạch dừa từ Việt Nam có lợi thế nhờ chi phí nhân công giá rẻ và đặc biệt là mức thuế ưu đãi khi xuất khẩu vào 2 thị trường này. Giá bán của GCF xuất khẩu sang Hàn Quốc và Nhật Bản đang thấp hơn so với các đối thủ Thái Lan trong khi chất lượng không thua kém. Do vậy Doanh nghiệp rất tự tin vào khả năng tăng trưởng trong các năm tới.

- Triển vọng phát triển của ngành

Về triển vọng thị trường, theo báo cáo của Grand View Research, thị trường về nha đam thế giới dự kiến tăng trưởng với tốc độ 7,6%/năm trong giai đoạn từ 2019-2025 và đạt 2,67 tỷ USD về quy mô vào năm 2025. Sự phát triển của thị trường được hỗ trợ nhờ việc người tiêu dùng đã rất quen thuộc với các sản phẩm từ nha đam nên các doanh nghiệp không cần tốn nhiều chi phí để truyền thông tới khách hàng. Loại cây này cũng có nhiều tác dụng như chống lão hóa, dưỡng ẩm, làm dịu, kháng viêm, kháng khuẩn, có thể được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp như mỹ phẩm, thực phẩm, thuốc và thực phẩm chức năng v.v.. Ngoài ra, nhu cầu chăm sóc sức khỏe và hướng tới các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên cũng thúc đẩy tăng trưởng đối với các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên như nha đam và dừa. Đối với riêng GCF, từ trước tới nay, Công ty mới chỉ tập trung sản xuất nha đam và thạch dừa cho ngành công nghiệp F&B. Các thị trường chính chỉ bao gồm Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản. Trong những năm tới, GCF có kế hoạch mở rộng sang một số thị trường mới như Trung Đông, Trung Quốc, châu Âu v.v..., do đó, Công ty kì vọng doanh thu và lợi nhuận sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc.

12. Chính sách với người lao động

Số lượng người lao động

GCF hiện đang sử dụng 573 lao động, trong đó nhân sự tại Công ty mẹ là 3 người, chi tiết như sau:

Bảng 15: Tổng hợp số lượng và phân loại lao động của Công ty tại ngày 30/11/2022

Tiêu chí	2021
I. Phân loại theo trình độ chuyên môn	573
Trên đại học	3
Đại học, cao đẳng	117
Trung cấp	19
Lao động phổ thông	434
II. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	573
Cán bộ quản lý	10
Chuyên viên/ Nhân viên	563

*Nguồn: GCF***Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

Người lao động tại GCF đều là lao động thường xuyên, được tham gia BHXH đầy đủ kèm các chính sách phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam. Công ty có chế độ lương thưởng phù hợp với đặc trưng và vị trí công việc cụ thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật. Chính sách tiền lương của GCF được xây dựng trên tiêu chí công bằng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao. Trong năm 2021 mức lương bình quân của các CBNV GCF đạt hơn 16,5 triệu đồng/người/tháng.

Bảng 16: Mức lương bình quân của Công ty giai đoạn 2020-2021

	2020	2021
Lương bình quân (đồng)	14.700.185	16.510.958

Nguồn: GCF

GCF luôn duy trì chính sách thưởng các ngày lễ, tết, thưởng kinh doanh định kỳ hằng tháng, quý hoặc năm dựa trên hiệu quả kinh doanh nhằm ghi nhận công sức và khích lệ tinh thần CBNV. Ngoài ra, CBNV đặc biệt là cấp quản lý đều được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài Công ty.

13. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố liên quan khác trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm.

Tỷ lệ cổ tức phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được hoặc chi trả phần cổ tức đó bằng tài sản cụ thể vào thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định. Trường hợp không chi trả cổ tức thì lợi nhuận phải được phân bổ hợp lý vào các khoản dự trữ và lợi nhuận giữ lại. HĐQT sẽ cân nhắc trong việc công bố kế hoạch cổ tức, và kế hoạch này có thể có hoặc có thể không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ tức đã phân phối trong những năm trước.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản nếu có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ của GCF trong những năm gần đây như sau:

Bảng 17: Chi trả cổ tức

Năm	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu	Tình trạng
2020	2%	-	Đã thực hiện
2021	-	18%	Đang thực hiện

* Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 19/03/2022

Nguồn: GCF

14. Tình hình tài chính trong năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022

14.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Vốn điều lệ

Tính tới thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 260.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tăng vốn 07 lần kể từ thời điểm thành lập, trong đó có 03 lần kể từ thời điểm chuyển đổi thành CTCP (được trình bày chi tiết tại Mục IV.6. Bản Cáo bạch này). Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được Hội đồng thành viên và ĐHĐCĐ thông qua trong từng đợt phát hành.

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình và khấu hao TSCĐ được áp dụng theo đúng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng. Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được áp dụng nhất quán và không thay đổi theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị:	03 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	04 – 10 năm
Các tài sản cố định khác:	05 năm

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ (hợp nhất) trong năm 2021 là: 46.553.112.995 VNĐ trong đó chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình là 43.659.959.697 VNĐ và chi phí khấu hao TSCĐ vô hình là 2.893.153.298 VNĐ

Thu nhập bình quân người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 là hơn 16,5 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn khoản nợ đến hạn. Mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty không có nợ quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật thuế hiện hành, nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác với Ngân sách Nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo pháp luật của GCF trong năm 2020, 2021 và 9 tháng 2022 như sau:

Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định*Đơn vị: triệu đồng*

Chi tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Thuế GTGT	3.342	4.281	1.718	-	-	-
Thuế TNDN	1.539	5.720	6.857	361	1.526	2.294
Thuế Thu nhập cá nhân	81	331	222	10	91	33
Tổng cộng	4.962	10.332	8.797	371	1.617	2.327

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập đầy đủ các quỹ theo đúng quy định Luật Doanh nghiệp năm 2020, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của GCF và các quy định khác có liên quan.

Bảng 19: Trích lập các quỹ theo luật định*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	339	2.118	744	318	711	218

Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
-----------------------	---	---	---	---	---	---

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Tổng dư nợ vay

Tính đến hết 2021, tổng giá trị các khoản vay của GCF là hơn 116 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cuối năm 2020, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn tài trợ cho mục đích vốn lưu động của Công ty.

Bảng 20: Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
a) Vay ngắn hạn	110.460	115.24	203.201
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	32.736	13.143	32.471
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 30/04 (2)	41.225	56.272	71.362
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (3)	33.999	45.825	83.933
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)	-	-	14.935
Vay cá nhân (5)	-	-	500
Ngân hàng Sacombank	2.500	-	-
b) Vay dài hạn	5.150	1.599	6.263
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (6)	-	-	4.957
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (7)	1.741	1.599	1.306
Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội - CN Đồng Nai	3.409	-	-
Tổng cộng	115.610	116.839	209.464

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của GCF và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022

Bảng 21: Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
a) Vay ngắn hạn	56.149	57.462	74.271

- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam	41.225	56.272	65.311
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	14.924	1.190	8.960
b) Vay dài hạn	1.741	-	-
Tổng cộng	57.890	57.462	74.271

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của GCF và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022

Tổng dư nợ hợp nhất của GCF tại thời điểm cuối năm 2021 là 115,6 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Nợ dài hạn chiếm dưới 5% tổng dư nợ của Công ty vào cuối 2021. Chi tiết về các hợp đồng vay nợ tại 30/9/2022 như sau:

- (1) Hợp đồng vay ngày 30/11/2021 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi trái phiếu của công ty và BĐS của bên thứ 3.
Hợp đồng vay ngày 06/06/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS, nhà xưởng và máy móc của Công ty và bên thứ 3.
- (2) Hợp đồng vay ngày 12/08/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS của công ty và của bên thứ 3.
Hợp đồng vay ngày 08/06/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS của bên thứ 3.
- (3) Hợp đồng vay ngày 02/03/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS, nhà xưởng và máy móc của Công ty và bên thứ 3.
Hợp đồng vay ngày 25/05/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS của công ty.
- (4) Hợp đồng vay ngày 12/01/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, được đảm bảo bởi BĐS của Công ty và của bên thứ 3.
- (5) Hợp đồng vay ngày 25/05/2022 có thời hạn 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, lãi suất 12%/năm, không cần tài sản đảm bảo.
- (6) Hợp đồng vay ngày 05/04/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất 8.4% cố định 1 năm đầu, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.
Hợp đồng vay ngày 11/05/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất 8.7% cố định 1 năm đầu, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.
Hợp đồng vay ngày 28/07/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất 8.7% cố định 1 năm đầu, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.
Hợp đồng vay ngày 17/05/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất cố định 3 năm 9.3%, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

Hợp đồng vay ngày 15/07/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất cố định 3 năm 10.8%, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

Hợp đồng vay ngày 19/05/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất cố định 3 năm 9.3%, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

Hợp đồng vay ngày 20/05/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất cố định 3 năm 9.3%, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

Hợp đồng vay ngày 29/09/2022 có thời hạn 60 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất cố định 3 năm 11.8%, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

(7) Hợp đồng vay ngày 16/10/2022 có thời hạn 84 tháng, mục đích vay để mua tài sản cố định, lãi suất thả nổi, được đảm bảo bởi chính tài sản cố định của khoản vay.

Tình hình công nợ

Trong số các khoản phải thu của Công ty, hầu hết là phải thu trong hạn. Phần phải thu quá hạn chỉ chiếm khoảng 1% tổng số công nợ và đã được trích lập đầy đủ. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty như sau.

Bảng 22: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
I. Phải thu ngắn hạn	32.545	157.835	237.379	92.533	114.559	141.604
Phải thu ngắn hạn khách hàng, trong đó:	32.545	79.918	94.730	23.761	31.207	44.217
<i>Khách hàng trong nước</i>	<i>26.370</i>	<i>66.321</i>	<i>78.872</i>	<i>20.639</i>	<i>24.054</i>	<i>36.282</i>
<i>Cty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)</i>	<i>12.100</i>	<i>11.600</i>	<i>11.600</i>	<i>12.100</i>	<i>11.600</i>	<i>11.600</i>
<i>Cty Cp Sữa Việt Nam</i>	<i>3.436</i>	<i>2.528</i>	<i>5.776</i>	-	-	-
<i>Nguyễn Thị Hải Hồng</i>	<i>2.588</i>	<i>966</i>	-	-	-	-
<i>Công ty TNHH An Hạnh Thông</i>	<i>2.910</i>	<i>5.890</i>	<i>5.890</i>	-	-	-
<i>Cty CP Fesdy</i>	<i>255</i>	-	-	-	-	-
<i>Công ty TNHH Quốc tế CEMY</i>	-	<i>7.341</i>	<i>6.285</i>	-	<i>1.055</i>	-
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>10.833</i>	<i>37.997</i>	<i>44.885</i>	<i>6.022</i>	<i>8.950</i>	<i>20.235</i>

	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
<i>Cty TNHH Nước Giải Khát Tân Đô</i>	-	-	-	170	-	-
<i>Cty Cp Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương</i>	-	-	4.437	1.014	2.403	4.437
<i>Cty TNHH Hải Hồng</i>	-	-	-	426	-	-
<i>Cty Cp Thực phẩm Cánh Đồng Việt</i>	-	-	-	906	46	11
Khách hàng nước ngoài	6.176	13.598	15.857	3.122	7.153	7.935
<i>Finebe Corporation</i>	750	2.314	3.832	750	2.314	3.832
<i>Kanematsu</i>	-	657	1.023	-	-	-
<i>Dellos International Co.,Ltd</i>	-	1.219	917	-	1.219	917
<i>Sojitz Food Corp.</i>	1.516	4.111	2.819	-	-	-
<i>GC Food USA INC</i>	399	399	400	399	399	400
<i>Woo Jang Co., Ltd</i>	1.049	689	801	1.049	689	-
<i>Các khách hàng khác</i>	2.462	4.208	6.066	924	2.531	2.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn, trong đó:	55.599	72.400	135.206	31.096	27.648	50.194
<i>Cty TNHH TVXD Đại Đức</i>	2.521	-	-	-	-	-
<i>Cty CP Năng và Gió</i>	7.721	-	-	-	-	-
<i>JEB AgriTrade Pte Ltd.</i>	-	680	185	-	-	-
<i>Cty TNHH Bao Bỉ Ta</i>	-	1.500	4.000	-	1.500	4.000
<i>Nhà cung cấp bao tiêu nguồn nguyên liệu (**)</i>	44.733	59.451	117.733	27.114	4.637	4.637
<i>Cty CP Thực phẩm Cánh Đồng Việt</i>	-	-	-	1.208	18.890	30.281
<i>Cty CP Năng và Gió</i>	-	-	-	330	-	7.658

	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	3.054	10.769	13.288	-	23.011	3.618
<i>Khác</i>	-	-	-	3.982	2.621	-
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	91	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác Trong đó:	41.762	8.086	9.836	38.764	58.273	49.762
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.000	20	-	29.000	-	-
<i>Đặt cọc mua đất</i>	29.000	-	-	29.000	-	-
<i>Khác</i>	-	20	-	-	-	-
Tạm ứng của nhân viên	8.362	2.913	4.950	-	946	1.014
<i>Nguyễn Thị Thanh Tâm</i>	-	1.575	1.575	-	-	-
<i>Phan Hải Long Vương</i>	1.800	-	-	-	-	-
<i>La Văn Trung</i>	1.071	108	-	-	-	-
<i>Nguyễn Đình Thi</i>	-	408	400	-	-	-
<i>Hoàng Vĩnh Hưng</i>	-	367	367	367	367	367
<i>Nguyễn Thị Thu Hồng</i>	-	296	296	296	296	296
<i>Võ Thanh Hà</i>	-	-	-	265	268	-
<i>Nguyễn Đức Thuận</i>	-	-	133	-	-	-
<i>Trương Công Vinh</i>	1.065	-	15	-	-	-
<i>Nguyễn Thị Thanh Tuyền</i>	-	-	-	924	-	-
<i>Các nhân viên khác</i>	4.427	159	2.164	215	15	351
Phải thu khác	4.400	5.153	4.867	7.697	57.327	48.748
<i>Phạm Anh Tuấn</i>	419	430	-	-	-	-
<i>Ông Takahashi Tan</i>	-	425	425	425	425	425
<i>Cty TNHH An Hạnh Thông</i>	3.133	3.870	3.870	-	-	-
<i>BHXH</i>	-	18	-	-	-	-
<i>Cty Cp Thực phẩm Cánh đồng việt</i>	-	-	-	6.950	8.340	-
<i>Cty Cp Năng và Gió (***)</i>	-	-	-	77	48.232	48.232

	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
<i>Phải thu khác</i>	848	410	572	245	330	91
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.325)	(2.569)	(2.569)	(1.087)	(2.569)	(2.569)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	176	-	-	-
II. Các khoản phải thu dài hạn	19.249	879	472	23.945	195	195
Phải thu dài hạn khác, trong đó:	19.249	879	472	23.748	195	195
<i>Cty CP Thực phẩm Cánh Đồng Việt</i>	-	-	-	6.048	-	-
<i>Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	17.700	-	-	17.700	-	-
Ký quỹ, ký cược	1.549	879	472	197	195	195

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của GCF và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022

(*) Khoản phải thu từ bán bất động sản đầu tư, 2 căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM. Công ty hiện đang có tranh chấp với Công ty TNHH Tư vấn Luật Thiên Minh liên quan đến khoản phải thu này. Chi tiết xin xem mục 19 phần I của Bản công bố thông tin này.

(**) Ứng tiền trước nhà cung cấp truyền thống nông dân, hộ kinh doanh cá thể bao tiêu mua nông sản nha đam, nho, táo, ổi, dưa lưới, dưa huỳnh long tại Ninh Thuận. Công ty thực hiện ứng trước cho nhà cung cấp nêu trên theo chính sách: công ty cấp vốn theo tiến độ để nông dân, hộ kinh doanh cá thể chủ động thuê đất, cải tạo đất, làm hệ thống tưới, mua cây giống.... để trồng trọt theo công nghệ độc quyền mà Công ty cung cấp, đến kỳ thu hoạch của sản phẩm Công ty sẽ thu mua độc quyền đối với các sản phẩm nông sản của nhà cung cấp.

Tại các ngày cuối kỳ trên báo cáo tài chính, xuất hiện số dư Trả trước cho người bán ngắn hạn cho Nhà cung cấp bao tiêu nguồn nguyên liệu do các nông sản được bao tiêu chưa đến kỳ thu hoạch. Tại 30/9/2022, Công ty đang ứng trước cho các nhà cung cấp 117,7 tỷ đồng cho các nông sản bao gồm nha đam, nho, táo, ổi, dưa lưới, dưa huỳnh long. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thu hoạch một phần các nông sản được ứng trước bao tiêu này. Dự kiến, toàn bộ nông sản đã được ứng trước trong 117,7 tỷ đồng sẽ được thu hoạch rải rác trong năm 2023, tùy thuộc vào mùa thu hoạch của các sản phẩm đó.

(***) Khoản cho mượn tiền theo hợp đồng mượn tiền số 01/HĐV/SW-GC ngày 07/08/2021 và 02/HĐV/SW-GC ngày 07/08/2021, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 0,5%/năm, hợp đồng này được gia hạn thêm 10 tháng, thời hạn vay đến 06/06/2023. Đây là khoản cho Công ty cho CTCP Năng

và Gió mượn tiền để hỗ trợ công ty con với việc cho vay lãi suất thấp để công ty con bổ sung quỹ đất đai cho việc mở rộng vùng nguyên liệu.

Bảng 23: Chi phí trả trước

Năm	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021		31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
Chi phí trả trước	8.538	21.162	20.376	505	284	
I. Chi phí trả trước ngắn hạn	487	231	231	204	20	102
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	211	211	-	-	51
Các khoản khác	487	20	20	-	20	51
Dịch vụ tư vấn, huấn luyện doanh nghiệp	-	-	-	204	-	-
II. Chi phí trả trước dài hạn	8.051	20.930	19.698	-	263	209
Lợi thế quyền thuê đất	-	8.115	7.881	-	-	-
Chi phí giống chăn nuôi	-	3.727	2.664	-	-	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.051	1.715	2.893	301	263	209
Chi phí đầu tư ban đầu trồng trọt	-	4.673	4.014	-	-	-
Chi phí thuê đất	-	1.022	839	-	-	-
Các khoản khác	-	1.679	1.497	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của GCF và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022

Bảng 24: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
I. Nợ ngắn hạn	148.570	159.603	261.435	81.626	92.719	110.006

Năm	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
1. Phải trả người bán ngắn hạn, trong đó:	21.816	19.203	17.502	19.991	28.937	29.091
<i>Cty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G</i>	-	367	319	303	367	188
<i>Cty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Đồng Nai</i>	-	1.360	1.695	-	-	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Tân Hưng</i>	-	528	527	-	-	-
<i>Cty TNHH Dừa Đăng Khoa</i>	1.089	2.731	1.064	-	-	-
<i>Cty TNHH ĐT DV TM Tp.HCM</i>	407	-	-	-	-	-
<i>Cty CP Hàng tiêu dùng Biên Hòa</i>	-	1.343	2.515	-	-	-
<i>TT Khai thác Hạ tầng & Hỗ trợ đầu tư</i>	-	-	357	-	-	-
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô</i>	-	-	-	19.086	27.977	27.736
<i>Công ty khác</i>	-	12.873	11.026	601	592	1.166
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	585	572	5.228	585	572	614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.962	10.332	8.797	371	1.617	2.327
4. Phải trả người lao động	5.125	7.920	6.582	610	708	800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	118	325	3.633	1	237	685
6. Phải trả ngắn hạn khác	5.165	3.892	15.748	3.600	2.476	2.001
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	110.460	115.240	203.201	56.149	57.461	74.271
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	339	2.119	744	318	711	218
II. Nợ dài hạn	6.895	3.222	10.139	1.741	-	-

Năm	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/9/2022
1. Phải trả dài hạn khác	-	-	2.300	-	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.150	1.599	6.263	1.741	-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.744	1.623	1.576	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của GCF và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022

14.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính của GCF đều được cải thiện trong năm 2021 nhờ tăng trưởng mạnh về lợi nhuận. Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu giảm mạnh, còn lần lượt 23,9% và 35,8% trong năm 2021. Hiệu quả của doanh nghiệp cải thiện rõ rệt, thể hiện qua nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2021 đều đã đạt 2 chữ số, đặc biệt ROAE của doanh nghiệp đã lên mức 15,8%, nhỉnh hơn so với mức trung bình các doanh nghiệp trong VN-Index.

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hợp nhất Năm 2021	Riêng lẻ Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	1,35
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	23,9%	15,3%
Nợ/vốn chủ sở hữu	%	35,8%	20,4%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,19	60,86
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,99	0,56
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,5%	8,3%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,8%	6,5%

Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,4%	4,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		10,5%	7,8%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.356	499

Nguồn: GCF

15. Tài sản

Trong năm 2021, TSCĐ vô hình (hợp nhất) của GCF tăng hơn 100 tỷ đồng do Công ty hạch toán khoản mua đất tại huyện Phước Ninh, tỉnh Ninh Thuận (làm trang trại canh tác) và phường Thanh Mỹ Lợi, Q2, Tp.HCM (làm văn phòng).

Bảng 26: Giá trị TSCĐ của Công ty theo BCTC kiểm toán (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021			30/9/2022		
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	130.997	45.909	85.088	151.755	56.408	95.346
Nhà cửa, vật kiến trúc	70.388	17.919	52.469	75.736	21.379	54.357
Máy móc thiết bị	40.796	18.911	21.885	46.099	23.872	22.228
Phương tiện vận tải	7.385	5.029	2.356	11.198	5.094	6.104
Thiết bị, dụng cụ quản lý	137	114	23	137	129	9
TSCĐ hữu hình khác	12.291	3.936	8.355	18.584	5.935	12.649
TSCĐ vô hình	69.890	2.893	66.997	101.667	3.648	98.019
Lợi thế quyền thuê đất	9.676	1.561	8.120	-	-	-
Quyền sử dụng đất	60.159	1.324	58.835	60.159	3.588	97.571
Phần mềm máy tính	55	8	47	507	60	447
Tổng cộng	241.68	49.22	192.450	253.422	60.056	193.365

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022 của GCF

Bảng 27: Giá trị TSCĐ của Công ty theo BCTC kiểm toán (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021			30/9/2022		
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	7.645	5.058	2.587	5.542	3.963	1.578
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.007	386	621	479	398	82

Máy móc thiết bị	79	66	13	79	79	-
Phương tiện vận tải	6.559	4.606	1.953	4.983	3.486	1.497
TSCĐ vô hình	55	8	47	41.056	16	41.040
Quyền sử dụng đất	-	-	-	41.001	0	41.001
Phần mềm vi tính	55	8	47	55	16	39
Tổng cộng	7.700	5.066	2.634	46.598	3.979	42.618

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022 của GCF

Bảng 28: Danh mục các tài sản lớn tại 31/12/2021 và 30/9/2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công ty sở hữu	Tên TSCĐ	31/12/2021		30/9/2022	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Vietfarm	Công trình xây dựng nhà xưởng 1-1500m2 nhà máy nha đam	5.831	4.432	5.831	4.257
2	Vietfarm	Công trình xây dựng nhà xưởng 2-1000m2 nhà máy nha đam	2.998	2.279	2.998	2.189
3	Vietfarm	Cụm thiết bị thanh trùng và chiết rót vô trùng nhà máy nha đam	3.782	585	3.782	180
4	Vietfarm	Chi phí hạng mục đường bê tông của nhà xưởng nha đam	3.328	2.640	3.328	2.540
5	Vietfarm	Chi phí xây dựng nhà xưởng 4 Mộc thiên phú nhà máy nha đam	3.097	2.724	3.097	2.632
6	Vietfarm	Chi phí làm xây dựng nhà xưởng 3 Mộc thiên phú nhà máy nha đam	4.219	3.711	4.219	3.584
7	Vietfarm	Xây dựng Văn phòng Làm Việc Cty Đại đức nhà máy nha đam	2.169	1.937	2.169	1.871
8	Vietfarm	Xây dựng Nhà xưởng VF5 + PCCC (Cty đại đức) nhà máy nha đam	3.504	3.282	3.504	3.177
9	Vietfarm	Thi công xây dựng nhà xưởng VF6 nhà máy nha đam	2.880	2.705	2.880	2.619
10	Vinacoco	Nhà văn phòng VNCC (HD 0000008 Mộc Thiên Anh) nhà máy thạch dừa	3.385	2.855	3.385	2.753
11	Vinacoco	Đường nội bộ, cấp thoát nước, hàng rào HD 0000008 -Mộc Thiên Anh nhà máy thạch dừa	4.539	1.576	4.539	1.009
12	Vinacoco	Nhà xưởng 2 (Cty Mộc Thiên Anh, HD 0000008) nhà máy thạch dừa	9.487	8.001	9.487	7.716
13	Năng và Gió	Thi công lắp đặt Hệ thống điện năng lượng mặt trời trang trại Năng và Gió	3.496	3.307	3.496	3.176

14	G.C	Đất văn phòng GC: quyền sử dụng đất thửa số 515, tờ bản đồ số 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, HCM (395m ²)	-	-	40.000	40.000
15	Vietfarm	Quyền sử dụng đất văn phòng nhà Phan Rang K1	3.550	3.530	3.550	3.442
16	Năng và Gió	Quyền sử dụng đất 39ha trang trại Năng và Gió	56.609	41.495	56.609	53.185
Tổng			112.877	85.060	152.877	134.330

Nguồn: GCF

Bảng 29: Danh mục đất đai đang quản lý tại 15/11/2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công ty sở hữu	Tên TSCĐ	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Diện tích
1	G.C	Đất văn phòng GC: quyền sử dụng đất thửa số 515, tờ bản đồ số 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, HCM (395m ²)	Đất ở 200 m ² , đất trồng cây lâu năm 195 m ²	Đất ở: Lâu dài Đất trồng cây lâu năm: 50 năm kể từ ngày 27/9/2018	395 m ²
2	Vietfarm	Quyền sử dụng đất văn phòng nhà Phan Rang K1, khu đô thị mới Đông Bắc, P.Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Đất ở tại đô thị	Lâu dài	99,15 m ²
3	Năng và Gió	Quyền sử dụng đất 39ha tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận của trang trại Năng và Gió	Đất trồng cây lâu năm	50 năm kể từ ngày được cấp	390.406 m ²

Nguồn: GCF

16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)**Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Kế hoạch 2022	% tăng giảm 2022 so với 2021
Doanh thu thuần	334.273	400.000	20%
Lợi nhuận sau thuế	35.258	42.000	19%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,7%	10,5%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	16,0%	13,5%	

Chỉ tiêu	Năm 2021	Kế hoạch 2022	% tăng giảm 2022 so với 2021
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	18%	20%	

Nguồn: GCF

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/07/2022.

Kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu 18%

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty đã thông qua việc chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 18%. Công ty đã nộp hồ sơ cho UBCK để đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức vào tháng 10/2022. Ngày 11/11/2022, UBCK đã có công văn số 7524/UBCK-QLCB về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty, theo đó, phương án phát hành được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2022, Nghị quyết HĐQT số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin thông báo phát hành cổ phiếu trả cổ tức vào ngày 07/12/2022, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chia cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 23/12/2022. Vốn điều lệ Công ty dự kiến tăng thêm tối đa 46.800.000.000 đồng, vốn điều lệ sau phát hành dự kiến là 306.800.000.000 đồng.

Căn cứ để đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được lập căn cứ vào dự toán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. Công ty đặt kế hoạch 2022 với doanh thu thuần tăng 20% và lợi nhuận sau thuế tăng 19% so với thực hiện của năm 2021 dựa trên các cơ sở sau: (1) Nha đam và thạch dừa tiếp tục là sản phẩm chủ lực, đóng góp chính cho kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2022. Tăng trưởng của nhóm này dự kiến đạt từ 20-25% so với 2021. Dự kiến nha đam đóng góp khoảng 60% doanh thu kế hoạch năm 2022, thạch dừa đóng góp 28%; (2) Các thị trường xuất khẩu phục hồi và tăng trưởng tốt trong năm 2022 khi đại dịch Covid-19 phần nào được kiểm soát nhờ tỷ lệ tiêm vắc xin cao; (3) Lợi nhuận tăng trưởng tương ứng với doanh thu, Công ty hướng tới tự chủ dần về nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nha đam, qua đó giúp giảm giá thành sản xuất từ năm 2023 trở đi. Ngoài ra trong năm 2022, mãng trái cây tươi cũng đóng góp nhiều hơn vào tổng doanh thu của GCF. Đây là mảng có biên lợi nhuận tốt hơn so với nha đam và thạch dừa (hơn 50% biên lợi nhuận so với khoảng 30% của nha đam và thạch dừa).

9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 314 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 79% so với kế hoạch cả năm 2022. Trong khi doanh thu tăng trưởng tốt thì

chi phí lãi vay cũng tăng 34,3% do dùng khoản vay ngân hàng để đầu tư mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu, chi phí bán hàng tăng 21,2% do tăng chi phí vận chuyển (tăng sản lượng đồng thời đơn giá vận chuyển năm 2022 tăng cao so với 2021), chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 48% do đầu tư nhân sự quản lý cấp trung phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn. Việc tăng các chi phí dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 9 tháng năm 2022 giảm 16,3% so cùng kỳ năm 2021, đạt 57% kế hoạch cả năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, theo đánh giá của Công ty, kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được DHĐCĐ thông qua vào ngày 30/07/2022 sẽ được hoàn thành.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Cam kết thuê đất

GCF thuê khoảng 40ha đất tại Ninh Thuận để trồng nha đam. Hợp đồng thuê có thời hạn 5 năm, trả tiền hàng năm. Cụ thể, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê đất như sau.

Bảng 31: Cam kết thuê đất

STT	Tên hợp đồng	Diện tích đất thuê theo hợp đồng (1.000m ²)	Thời hạn hợp đồng (năm)	Giá trị phải trả hàng năm (VNĐ)	Giá trị phải trả trong vòng 5 năm (VNĐ)
1	Hợp đồng thuê đất Số 02/2021/HĐTĐ/SW-TTH	110,02	5	70.000.000	350.000.000
2	Hợp đồng thuê đất số 03/2021/HĐTĐ/SW-	20,00	5	14.000.000	70.000.000
3	Hợp đồng thuê đất số 04/2021/HĐTĐ/SW-HQH	20,00	5	14.000.000	70.000.000
4	Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/SW-TTH	19,50	5	11.400.000	57.000.000
5	Hợp đồng thuê đất số 06/2020/HĐTĐ/SW-TTH	17,63	5	15.000.000	75.000.000
6	Hợp đồng thuê đất số 05/2020/HĐTĐ/SW-TTH	11,95	10	10.000.000	100.000.000
7	Hợp đồng thuê đất số 01/2021/HĐTĐ/SW-NVT	30,00	10	30.000.000	300.000.000

STT	Tên hợp đồng	Diện tích đất thuê theo hợp đồng (1.000m ²)	Thời hạn hợp đồng (năm)	Giá trị phải trả hàng năm (VNĐ)	Giá trị phải trả trong vòng 5 năm (VNĐ)
8	Hợp đồng thuê đất Số 01+02/2019/HĐTD/NG- NVT	58,00	5	10.000.000	50.000.000
9	Hợp đồng thuê đất số 07/2020/HĐTD/SW-TTH	16,79	10	17.000.000	170.000.000
10	Hợp đồng thuê đất số 03+04/2019/HĐTD/SW- PNT	54,80	10	10.000.000	100.000.000
11	Hợp đồng thuê đất số 09/2020/HĐTD/SW- NTKP	18,50	7	20.000.000	140.000.000
12	Hợp đồng thuê đất số 04102022/HĐTD/SW-TC	30,50	1	180.000.000	180.000.000
	Tổng cộng	407,69		401.400.000	1.662.000.000

Nguồn: GCF

18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

GCF xác định nha đam và thạch dừa vẫn là nhóm sản phẩm chủ đạo cho tăng trưởng doanh thu các năm tới. Trước mắt trong năm 2022, GCF sẽ thúc đẩy việc tự trồng nha đam trên trang trại của chính Công ty nhằm hạn chế các ảnh hưởng do biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Công ty đặt mục tiêu sẽ tự chủ 50% nguyên liệu lá nha đam đầu vào trong năm 2023.

Về khách hàng và thị trường tiêu thụ, trong thời gian tới Công ty vẫn sẽ tập trung vào thị trường trong nước và 02 thị trường xuất khẩu truyền thống là Hàn Quốc và Nhật Bản. Công ty cũng đã tiếp xúc với một số khách hàng doanh nghiệp mới tại các thị trường này nhằm có thêm các đơn hàng mới. Dài hạn hơn, GCF có dự định sẽ mở rộng sang một số thị trường quốc tế mới như Trung Đông, Trung Quốc và Mỹ.

GCF cũng đẩy mạnh nghiên cứu và đưa ra thị trường các dòng sản phẩm liên quan đến nha đam, thạch dừa có thể tiêu thụ trực tiếp, hướng đến nhóm khách hàng cá nhân trong nước như:

- Nha đam hương vải
- Bột nha đam

- Kẹo nha đam
- Nước rửa chén nha đam
- Mặt nạ nha đam
- Các sản phẩm được làm từ dừa

Trong năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021, Phòng R&D đã tiến hành nghiên cứu và phát triển mẫu cho khách hàng một số sản phẩm như mứt nha đam, kẹo nha đam, nước rửa chén nha đam. Các sản phẩm mà GCF hướng đến đều nằm trong tiêu chí bảo vệ môi trường và theo hướng hữu cơ organic.

19. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Công ty hiện đang có tranh chấp với Công ty TNHH Tư vấn Luật Thiên Minh liên quan đến hợp đồng mua bán Căn hộ số A139OT16, tầng 19, Toà nhà A1 và Căn hộ A145OT12B, Tầng 45, Toà nhà A1; Địa chỉ: Số 02, Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Thiên Minh chưa thanh toán cho GCF khoản tiền là 11,6 tỷ đồng. Đây là khoản phải thu liên quan đến giao dịch mua bán 2 căn hộ trên. Khoản này đã được công ty lập dự phòng 20% trong năm 2021 theo nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Tỷ lệ dự phòng trích 20% theo đánh giá của Công ty là phù hợp với các quy định của pháp luật về trích lập dự phòng. Một số thông tin chính về tranh chấp này như sau:

Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần Thực phẩm G.C

Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn Luật Thiên Minh

Nội dung kiện: Tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ do bị đơn vi phạm hợp đồng và không thanh toán khoản công nợ còn lại đối với 02 căn hộ đã mua theo như hợp đồng đã ký

Kết quả: đã được Tòa án nhân dân Quận 1 và Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra tiếp nhận hồ sơ.

G.C. Food cam kết việc tranh chấp này không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

STT	Tên	Năm sinh	CMND/Passport	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thứ	1978	036078020828	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1982	019182005537	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Bà Bùi Thị Mai Hiền	1977	075177012450	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Điệp Pháp	1988	261139359	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Lê Hoàn Sĩ	1978	026035526	Thành viên độc lập HĐQT

*Nguồn: GCF***1.1 Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thứ
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/6/1978 Nơi sinh: Nam Định
- CMND: 036078020828 Ngày cấp: 06/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Ấp 4, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Phó chủ tịch Hiệp Hội Thực Phẩm Minh Bạch AFT
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 06/2000 – 10/2001 Trợ lý Giám đốc công ty Sam Hung Vina Hàn Quốc
 - 11/2001 – 11/2008 Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
 - 01/2009 – 08/2011 Phó Giám Đốc chi nhánh Ngân hàng Quân Đội
 - 09/2011 – 07/2022 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm G.C

- 04/2021 – hiện tại Phó chủ tịch Hiệp Hội Thực Phẩm Minh Bạch AFT
 - 07/2022 – hiện tại Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Thực phẩm G.C
- Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 10.400.000 cổ phần, chiếm 40,0% VDL
- Thù lao nhận được: được ĐHĐCĐ quyết định
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

1.2 Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Tâm
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 10/17/1982 Nơi sinh: Hà Tây
- CMND: 019182005537 Ngày cấp: 06/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Ấp 4, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa B2C
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bưu chính viễn thông
- Quá trình công tác:
- 07/2005 – 12/2006 Nhân viên Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn Thông Viettel
 - 02/2007 – 11/2009 Nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Đồng Nai
 - 01/2010 – 12/2016 Giám Đốc Công ty TNHH An Hạnh Thông
 - 11/2017 - hiện tại Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa B2C Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
- Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 420.000 cổ phần, chiếm 1,62% VDL
- Thù lao nhận được: được ĐHĐCĐ quyết định
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

1.3 Bà Bùi Thị Mai Hiên – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Hiên

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/06/1977
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 075177012450
- Ngày cấp: 16/05/2022
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ấp Long Đức 1, Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa B2B
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Công tác xã hội
- Quá trình công tác:
 - 01/2001 – 05/2011 Kinh doanh riêng
 - 06/2011 – 07/2022 Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa B2B Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
 - 07/2022 – hiện tại Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
- Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 640.100 cổ phần, chiếm 2,46% VDL
- Thù lao nhận được: được DHDCĐ quyết định
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

1.4 Ông Nguyễn Diệp Pháp – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Diệp Pháp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/10/1988
- Nơi sinh: Bình Thuận
- CMND: 261139359
- Ngày cấp: 05/07/2011
- Nơi cấp: CA Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 40, Đường 19/4, Phường Xuân An, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khối Kinh doanh Quốc tế
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

- 07/2011 – 08/2013 Nhân viên Phát triển Đơn hàng Gia Công - Công ty TNHH Motives Việt Nam
 - 09/2013 – 06/2016 Chuyên viên Kinh Doanh Quốc Tế - Công ty Cổ Phần Phúc Sinh
 - 08/2016 – 10/2017 Chuyên viên Kinh Doanh Quốc Tế - Công ty TNHH Hải Nam
 - 11/2017 – hiện tại Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khối Kinh doanh Quốc tế Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
- Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 30.000 cổ phần, chiếm 0,12% VDL
- Thù lao nhận được: được DHCĐ quyết định
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

1.5 Ông Lê Hoàng Sử – Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: Lê Hoàng Sử
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 18/09/1978 Nơi sinh: Tp. HCM
- CMND: 066078000071 Ngày cấp: 12/03/2019 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: CH 3.13 Chung cư 9 View, Số 1 Đường Số 1, Phước Long B, TP Thủ Đức, TPHCM
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Không có
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Giảng viên, Trưởng Khoa Hệ thống thông tin – Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Hệ thống thông tin quản lý
- Quá trình công tác:
 - 03/2002 – 08/2006 Kỹ sư nghiên cứu phát triển - Công ty ESTcc Vina và ESTec Korea
 - 09/2006 – 11/2011 Kỹ sư cao cấp, Team Leader – Công ty cổ phần Global Cybersoft Vietnam
 - 01/2012 – hiện tại Giảng viên, Trưởng Khoa Hệ thống thông tin quản lý – Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TPHCM
 - 03/2022 – hiện tại Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
- Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 20.000 cổ phần, chiếm 0,08% VDL

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

2.2 Bà Nguyễn Thị Trường San – Thành viên BKS

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Trường San**

- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 20/08/1991 Nơi sinh: Bình Định

- CMND: 215184153 Ngày cấp: 15/11/2016 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Định

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Kim Tây, Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định

- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Trưởng phòng pháp lý

- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác:

- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

- 02/2015 – 04/2017 Chuyên viên nhân sự - Cty CP Xe khách Phương Trang Futabusline.
- 05/2017 – 09/2018 TP. Nhân sự - Công ty CP Hoàn Mỹ Kim
- 10/2018 – 12/2019 TP. Nhân sự - Công ty Hoàng Trần
- 03/2021 – hiện tại Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm G.C

Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 6.000 cổ phần, chiếm 0.02% VDL.

- Thù lao nhận được: được ĐHCĐ quyết định

- Thu nhập: không có

- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

2.3 Bà Nguyễn Minh Như Khanh – Thành viên BKS

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Như Khanh**

- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 14/08/1982 Nơi sinh: TP.HCM

- CMND: 079182033667 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 02 Lô A02 cư xá 307, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Không

- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Lotte cinema Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

- 08/2007 – 04/2014 Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán AISC.Kỹ sư bán hàng - Thu mua - Công ty TNHH Natatech
- 05/2014 – 06/2017 Kế toán trưởng Công ty Bột thực phẩm Tài Ký
- 06/2018 – hiện tại Kế toán trưởng Công ty TNHH Lotte cinema Việt Nam
- 03/2022 – hiện tại Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm G.C

Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 0 cổ phần, chiếm 0.00% VDL.

- Thù lao nhận được: được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

3. Tổng giám đốc

Bà Bùi Thị Mai Hiền - xem mục II.1.3 phía trên.

4. Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Châu – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Châu
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 27/03/1985 Nơi sinh: Nam Định
- CMND: 036185022598 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 71/7 Nguyễn Văn Thương, P25, Q. Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại GCF: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm tại các tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - 07/2007 – 11/2008 Kế toán tổng hợp và thuế - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nageco
 - 12/2008 – 08/2012 Phó phòng tài chính – Công ty cổ phần kỹ thuật điện toàn cầu GLT
 - 09/2012 – 09/2015 Phó phòng kế toán tài chính – Công ty công nghệ thông tin NTT
 - 11/2015 – 11/2016 Giám đốc tài chính – Công ty cổ phần CJ Kim&Kim
 - 02/2017 – 08/2021 Trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty TNHH nhà hàng bia thủ công Pasteur Street

- 09/2021 – nay Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Thực phẩm G.C
- 04/2022 – nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thực phẩm G.C

Số CP nắm giữ tại GCF tại ngày 16/09/2022: 20.000 cổ phần, chiếm 0,08% VDL

- Thù lao nhận được: Theo Quy chế Lương, thưởng, phụ cấp của Công ty
- Thu nhập: không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng: Không có

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 32: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

STT	Tên	Chức vụ tại GCF	Số lượng CP GCF sở hữu tại 16/09/2022	Tỷ lệ sở hữu tại 16/09/2022	Mối quan hệ với người nội bộ
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT	10.400.000	40,0%	
1.1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng truyền thông	420.000	1,62%	Vợ
1.2	Đã mất				Bố ruột
1.3	Đồng Thị Nhự		-	-	Mẹ ruột
1.4	Nguyễn Văn Năm		-	-	Bố vợ
1.5	Hoàng Thị Mẫn		-	-	Mẹ vợ
1.6	Nguyễn Văn Thăng		-	-	Anh Trai
1.7	Vương Thị Chi		-	-	Chị Dâu
1.8	Nguyễn Thị Bích		-	-	Chị Gái
1.9	Lê Trần Thanh		-	-	Anh Rể
1.10	Nguyễn Thị Ngọc		-	-	Chị Gái
1.11	Võ Văn Trường		-	-	Anh Rể
1.12	Nguyễn Đình Thị		-	-	Anh Trai
1.13	Nguyễn Thị Nguyệt		-	-	Chị Dâu
1.14	Nguyễn Văn Thứ		-	-	Anh Trai
1.15	Vũ Thị Thanh		-	-	Chị Dâu
1.16	Nguyễn Trung Thông		-	-	Con Trai
1.17	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi		-	-	Con Gái
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng	400.000	1,54%	

STT	Tên	Chức vụ tại GCF	Số lượng CP GCF sở hữu tại 16/09/2022	Tỷ lệ sở hữu tại 16/09/2022	Mối quan hệ với người nội bộ
phòng Kinh doanh nội địa B2C					
Chủ tịch					
2.1	Nguyễn Văn Thứ	HDQT kiêm TGD	10.400.000	40,0%	Chồng
2.2	Đã mất		-	-	Bố chồng
2.3	Đông Thị Nhự		-	-	Mẹ chồng
2.4	Nguyễn Văn Năm		-	-	Bố đẻ
2.5	Hoàng Thị Mẫn		-	-	Mẹ đẻ
2.6	Nguyễn Trung Thông		-	-	Con Trai
2.7	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi		-	-	Con Gái
Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc					
3	Bùi Thị Mai Hiền		640.100	2,46%	
3.1	Lê Tiến Chinh		-	-	Chồng
3.2	Đã mất		-	-	Bố ruột
3.3	Đã mất		-	-	Mẹ ruột
3.4	Đã mất		-	-	Bố vợ
3.5	Đã mất		-	-	Mẹ vợ
3.6	Bùi Huỳnh Sơn		-	-	Em trai
3.7	Bùi Thị Thu Hà		-	-	Em gái
3.8	Đặng Long Linh		-	-	Em rể
3.9	Lê Thị Tuyết Trinh		-	-	Em dâu
3.10	Lê Tiến Hòa		-	-	Con trai
3.11	Lê Bùi Tiến Thuận		-	-	Con trai
3.12	Đoàn Thị Quỳnh Hoa		-	-	Con dâu
Thành viên HDQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Quốc tế					
4	Nguyễn Diệp Pháp		30.000	0,12%	
4.1	Phạm Thị Như Thảo		-	-	Vợ
4.2	Nguyễn Văn Sơn		-	-	Bố ruột

STT	Tên	Chức vụ tại GCF	Số lượng CP GCF sở hữu tại 16/09/2022	Tỷ lệ sở hữu tại 16/09/2022	Mối quan hệ với người nội bộ
4.3	Diệp Thúy Ái		-	-	Mẹ ruột
4.4	Phạm Văn Công		-	-	Bố vợ
4.5	Phạm Thị Bốn		-	-	Mẹ vợ
5	Lê Hoàng Sử	Thành viên độc lập HĐQT	20.000	0,08%	
5.1	Lê Thị Sao Mai		-	-	Vợ
5.2	Lê Hoàng Đến		-	-	Bố ruột
5.3	Lê Thị Phán		-	-	Mẹ ruột
5.4	Lê Ty		-	-	Bố vợ
5.5	Lê Thị Khuê		-	-	Mẹ vợ
5.6	Lê Hoàng Thị Thuý		-	-	Chị gái
5.7	Lê Hoàng Thị Cẩm Hà		-	-	Chị gái
5.8	Lê Hoàng Thân		-	-	Em trai
5.9	Lê Hoàng Thị Giang		-	-	Em gái
5.10	Đoàn Văn Tuyên		-	-	Anh rể
5.11	Đỗ Dương Thanh Mỹ		-	-	Em dâu
5.12	Trần Quang Lâm		-	-	Em rể
5.13	Lê Hoàng Anh Thư		-	-	Con gái
5.14	Lê Hoàng Anh Kiệt		-	-	Con trai
II					
1	Bùi Thị Mai Hiên	Tổng Giám đốc			
	Xin xem phần I.3 bên trên				
HI					
1	Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	0	0.00%	
1.1	Vũ Thị Hiền		-	-	Vợ
1.2	Lê Vũ Đức Minh		-	-	Con
1.3	Lê Vũ Ngọc Minh		-	-	Con
1.4	Lê Minh Đống		-	-	Bố
1.5	Trịnh Thị Nò		-	-	Mẹ
1.6	Trần Thị Quy		-	-	Mẹ Vợ
1.7	Vũ Đức Hùng		-	-	Bố Vợ (đã mất)
1.8	Vũ Đức Cường		-	-	Anh Vợ

STT	Tên	Chức vụ tại GCF	Số lượng CP GCF sở hữu tại 16/09/2022	Tỷ lệ sở hữu tại 16/09/2022	Mối quan hệ với người nội bộ
1.9	Lê Hồng Thanh		-	-	Em Trai
1.10	Phan Thị Ánh Nguyệt		-	-	Em dâu
1.11	Lê Thanh Thùy		-	-	Em Trai
1.12	Trịnh Thị Thanh Thùy		-	-	Em dâu
1.13	Lê Thị Bắc Hương		-	-	Em gái
1.14	Đào Khánh Duy		-	-	Em rể
2	Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	6.000	0.02%	
2.1	Nguyễn Minh Lộc		-	-	Bố
2.2	Nguyễn Thị Ánh		-	-	Mẹ
2.3	Lê Thanh Hiếu		-	-	Chồng
2.4	Lê Minh Hiền		-	-	Con trai
2.5	Nguyễn Trường Lâm		-	-	Anh trai
2.6	Nguyễn Thị Trường Giang		-	-	Chị gái
2.7	Nguyễn Thị Trường Hà		-	-	Em gái
3	Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên BKS	0	0.00%	
3.1	Nguyễn Thanh Xuân		-	-	Chồng
3.2	Nguyễn Phúc Xuân Nguyên		-	-	Con
3.3	Nguyễn Phúc Khanh Nguyên		-	-	Con
3.4	Nguyễn Minh Kháng		-	-	Cha ruột
3.5	Nguyễn Thị Thanh Vân		-	-	Mẹ ruột
3.6	Nguyễn Viên Khanh		-	-	Chị Gái
3.7	Nguyễn Quốc Vụ Khanh		-	-	Em Trai
3.8	Nguyễn Thanh Long		-	-	Bố chồng
3.9	Lê Thị Chung		-	-	Mẹ chồng
3.10	Nguyễn Ngọc Sang		-	-	Em Dâu

STT	Tên	Chức vụ tại GCF	Số lượng CP GCF sở hữu tại 16/09/2022	Tỷ lệ sở hữu tại 16/09/2022	Mối quan hệ với người nội bộ
3.11	Lưu Ngọc Toàn		-	-	Anh rể
IV	Kế toán trưởng				
1	Nguyễn Thị Châu	Kế toán trưởng	20.000	0,08%	
1.1	Nguyễn Văn Bình		-	-	Bố đẻ
1.2	Phạm Thị Hoa		-	-	Mẹ đẻ
1.3	Hoàng Văn Tân		-	-	Bố chồng
1.4	Bùi Thị Nhi		-	-	Mẹ chồng
1.5	Hoàng Văn Quyền		-	-	Chồng
1.6	Hoàng Đăng Khoa		-	-	Con
1.7	Hoàng Minh Anh		-	-	Con

Nguồn: GCF

6. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C luôn tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành. Lãnh đạo GCF xác định quản trị công ty là yếu tố cốt lõi giúp Công ty hoạt động hiệu quả, minh bạch, là tiền đề quan trọng cho việc mở rộng doanh nghiệp trong tương lai và thu hút nhà đầu tư. Để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp sau khi trở thành công ty đại chúng như sau, Công ty có một số kế hoạch như sau:

Công ty đã tiến hành họp ĐHĐCĐ vào 19/03/2022 nhằm thông qua chủ trương ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS mới, tham chiếu theo các mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. GCF luôn cố gắng đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành đối với công ty đại chúng. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của GCF.

Công ty luôn rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả, tăng cường trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện thường xuyên công tác đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định.

Ngoài ra, GCF cũng sẽ chủ động minh bạch hóa thông tin đến cổ đông thông qua việc cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin khác trên website công ty và báo cáo thường niên.

7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2021 và 9 tháng 2022

Bảng 33: Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên	Mối quan hệ với GCF	Tính chất giao dịch	Số dư 31/12/2021 Phải thu/(phải trả)	Số dư 30/09/2022 Phải thu/(phải trả)
I. Hợp nhất					
1	Công ty Cổ phần Fesdy	Bên liên quan	Người mua trả tiền trước	(131)	(131)
2	GC Food USA INC	Bên liên quan	Phải thu từ bán hàng	399	399
3	HĐQT và Ban Tổng giám đốc	Người nội bộ	Lương và thưởng	1.243	1.607
			Bán hàng	3.406	5.889
4	Công ty TNHH An Hạnh Thông	Bên liên quan của người nội bộ	Trả trước cho người bán	11	11
			Phải thu khác	3.870	3.870
II. Riêng lẻ					
			Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	-	
1	CTCP Thực phẩm Cánh đồng Việt	Công ty con	Trả trước mua hàng hóa, dịch vụ	18.890	30.281
			Phải thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	46	11
			Phải thu khác	8.340	-
2	Công ty TNHH Cô Cô Việt Nam	Công ty con	Phải thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	
			Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	(27.977)	(27.736)

3	Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	Công ty con	Phải trả khác	(90)	(30)
4	CTCP Năng và Gió	Công ty con	Phải thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	920
			Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	(161)	-
			Trả trước cho người bán	-	7.658
			Phải thu khác	48.232	48.232
5	Công ty TNHH An Hạnh Thông	Bên liên quan của người nội bộ	Phải thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-
			Trả trước cho người bán	11	11
			Phải thu khác	-	-
6	Công ty Cổ phần Fesdy	Bên liên quan	Người mua trả tiền trước	(131)	(131)
7	GC Food USA INC	Bên liên quan	Phải thu từ bán hàng	399	399
8	Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Tạm ứng	-	120
			Lương và thưởng	(50)	(50)

Nguồn: GCF

Ngày 05 tháng 12 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC DĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN THỨ

Ngày 05 tháng 12 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
PHỔ TÔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**



NGUYỄN QUANG BẢO

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty

3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán 2021, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 9 tháng 2022